TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Mấy nhà báo tiền khu... — *Hoa-Bằng*
* Ba vị trung-nghĩa triều Trần — *Ứng-Hòe*
* Kịch « Kình-Kha » — *Cao-Cương*
* Những ông nghè triều Lê (LXIV) — *Nguyễn văn-Tố*
* Họ vua nhà Nguyễn — *Từ Ngọc*
* Tạo hóa và nhân loại (Hết) — *Minh-Tuyền*
* Những lời di chúc của mấy danh nhân Đông, Tây (hết) — *Phạm mạnh-Phan*
* Đại-Nam dật sự (XIII) — *Ứng-Hòe*
* Việt-nam khoa-học ngữ (III) — *Nguyễn trọng-Thuyết*
* Cháy cung Chương-võ (Tiểu thuyết, VI) — *Chu Thiên*

Tòa Báo : 95-97, phố Chanceaulme, Hanoi

Một năm **12$00** — 6 tháng **6$50** — 3 tháng **3$50** — Mỗi số **0$80**

MẤY NHÀ BÁO TIỀN-KHU VÀ HỘI TRUYỀN-BÁ QUỐC-NGỮ HÃY CÒN GẶP NHAU TRONG CUỘC CỔ-ĐỘNG CHO CHỮ NƯỚC TA

HOA-BẰNG

Ới đây, tôi có tiếp được tờ đạt của ông trưởng ban Cổ-động Hội Truyền-bá Quốc-ngữ nhắc tôi đi tham các lớp học của Hội đang tiến hành.

Sau đó, tôi lại thấy một giáo-viên trong Hội ở trường Quỳnh-lôi thân đến thỉnh tôi đi thăm trường ấy trong những buổi học từ 8 giờ đến 9 giờ rưỡi tối hằng tuần (trừ tối thứ bảy và chủ nhật).

Rất sẵn lòng. Phải, tôi đã được chứng kiến công cuộc Hội ấy làm việc chống nạn thất học với bao sốt-sắng, bao gắng-gỏi và bao hoạt-động.

Trên tờ Tri-Tân này, có lần, bạn Khái-Sinh đã có bài kỷ thuật một buổi đi thăm lớp học của Hội Truyền-bá Quốc-ngữ.

Để tránh khỏi trùng một việc của bạn đã làm, tôi nay đứng về phương-diện khảo-cứu mà viết bài này, gọi là đáp lại cái nhã ý của Hội đã đoái đến.

***

Danh-từ « quốc ngữ » của ta đã có từ đời vua Trần Nhân-Tông, năm Thiệu-bảo thứ tư (1282). Sử chép: « Nguyễn Thuyên, người huyện Thanh lâm, tỉnh Hải-dương, khéo làm thơ phú *quốc-ngữ*; nhiều người bắt chước ông... » (Khâm định Việt-sử, quyển 7, tờ 26 a). Nhưng « quốc ngữ » mà sử chép đó là chỉ về *tiếng của nước ta*, tức là thứ tiếng viết bằng chữ nôm, chứ không phải giống cái hình-thức chữ quốc-ngữ ngày nay chúng ta đương dùng.

Quốc-ngữ ngày nay là do mấy giáo-sĩ ngoại quốc sang ta hồi đầu thế-kỷ XVII truyền đạo Gia-tô, dựa theo chữ cái la-tinh mà đặt ra.

Ban đầu hai nhà truyền giáo người Bồ đào-nha đã phác hình thứ chữ quốc ngữ ấy mà làm được hai cuốn tự-vựng Việt-bồ và Bồ-việt. Về sau, ông Alexande de Rhodes (1), giáo sĩ người Pháp, tập đại thành các lối trước, xếp-đặt lại cho chữ quốc-ngữ có quy-củ hơn. Rồi ông có ứng-dụng thứ chữ ấy trong cuốn tự-vựng Nam-lạp-bồ (xuất bản khoảng 1651). Đến cuối thế-kỷ XVIII, chủ giáo d'Adran sửa-sang lại chữ quốc-ngữ, thảo được bộ tự-điển Nam-lạp.

Thế là chữ quốc-ngữ ghép bằng chữ cái la-tinh được thành-lập và truyền-bá từ đó. Những, trong khi bên giáo đã biết dùng quốc-ngữ để dịch Kinh-thánh của đức Chúa Lời và các sách truyền đạo, vệ đạo, thì hầu hết người mình hãy còn theo đuổi món học « chi, hồ, giả, dã », chứ chưa mấy ai để ý đến thứ chữ « ngoằn-ngoèo giây muống » kia.

***

Sau vì thời-thế xô-đẩy, xã-hội ta nảy ra một lớp người làm trung-gian cho Chính-phủ Pháp và dân Nam, ấy là các nhà tòng-sự và mấy nhà báo tiền-khu lối mới Pháp-thuộc.

Trải qua một cuộc thí-nghiệm mấy nhà đi tiên phong ấy thấy nó dễ-dàng tiện lợi, rất thích-dụng cho người mình, bèn lớn tiếng kêu gọi đồng bào mau mau học tập quốc ngữ.

Chứng-cớ ấy tôi thấy trên mấy tờ báo cũ ở xứ ta xưa.

Tờ *Gia-định báo*, số 4, ngày 15 Avril 1867, có viết:

« *Thầy Ký (2) dạy học, có làm sách mẹo dạy học tiếng Lang-sa, cũng làm ra chữ quốc-ngữ để người ta dễ học, những người kí lục giỏi cùng siêng năng sẽ lo mà học chữ quốc ngữ, vì có hai mươi bốn chữ mà viết đặng muôn ngàn chuyện, chữ chi mắt rẽ cũng viết đặng, không phải như chữ ta (3), học già đời mà còn có chữ lạ viết không ra, ở đây phủ Tường (4) đã học đặng chữ quốc-ngữ, viết đặng, đọc đặng. Chữ ấy chẳng khó gì đâu, ra công học trong một đôi tháng thì thuộc hết.* »

Dưới ảnh-hưởng của những cây viết cổ súy ấy, ở Nam-kỳ, vào khoảng từ 1873 đến 1890 đã có nhiều người biết quốc ngữ.

Chậm khai-thông hơn Nam-kỳ nên đối với những món mới la

trên đường canh tân, ngoài Bắc này còn muộn hơn một từng nữa.

Sau bài báo trích trên đây hàng 30 năm, ở Bắc kỳ, ngày 24 tháng giêng năm 1897 mới thấy tờ *Đại Nam đồng văn nhật báo*, số 273, lên tiếng dưới cái đầu đề « Quốc-ngữ biện đoan », cổ động và giới thiệu người mình học quốc-ngữ.

Nguyên văn bằng chữ hán, tôi xin dịch ra đây:

« *Thanh là cái lòng mình tỏ ra. Tình phát ra làm thanh, thanh thành văn gọi là âm. Trong hoàn cầu, các nước đều có âm thanh, nhân thanh thành ra văn. Chữ mỗi nước một khác. Cầu lấy thứ chữ tiện cho người xem mà âm-tự không sai thì chỉ có chữ quốc ngữ mà thôi. Quốc ngữ là bắt chước chữ tây mà đặt ra, khác hẳn với chữ nho. Chữ nho mỗi âm đều có chữ khác, không thể chồng chất thêm vào. Đến như chữ quốc ngữ tai nghe thế nào thì truyền ra miệng thế ấy, bên đếm nét mà làm chữ. Vì thứ chữ ấy là thanh, chứ không phải là nghĩa. Dùng 20 mấy chữ xen lẫn mà thành câu. Giáo sĩ đạo Thiên-chúa đến Đông dương đặt ra thứ chữ ấy đã 200 năm. Họ đến nước nào, một khi nghe được âm thanh của nước ấy thì liền biết dùng chữ bản quốc mà mô tả ra. Như Nhật bản và Ấn độ nguyên âm đã có sẵn rồi; khi người tây đến, liền biết lấy chữ của bản quốc viết ra mà làm thành.*

« *Tiếng nước Đại Nam, người tây lấy làm khó nói, nhưng lấy chữ tây mà viết ra thì không sai lầm một chữ nào: xem đã không khó, viết cũng rất dễ, mà nhớ cũng rất mau*

« *Người nước Nam học quốc ngữ mà đã thông hiểu và nhanh sáng, đành rằng không phải là ít, Duy những người ở những nơi xa khuất, nghe biết có khi chưa rộng. Vậy lục đăng mục này vào báo khiến cho mọi người đều biết. Quốc-ngữ là tiếng của nước ta, dùng nó rất tiện, ai nấy đều nên học biết.* »

Rồi tác giả bài báo ấy cắt nghĩa: chữ quốc-ngữ có hai loại âm: một là chính-âm (5), một là phụ-âm (6). Chánh âm thì có 6 chữ, tựu trung còn thay đổi đôi chút. Đến như phụ âm có 17 chữ kể cả trọng-âm thành 26 chữ thì không thay đổi. Chính âm thì tự miệng đưa ra, không có giả tá; phụ-âm thì phải có chính âm để giúp đỡ cho, chứ không thể nói riêng được.

Rồi tác-giả cho thí dụ: 6 chữ chính-âm là, a, e, i, y, o, u; 26 chữ phụ âm là, b, c, d, v. v...

Rồi chắp thành vần để làm mẫu cho người học: 26 phụ âm hợp với chính âm như: h + a = ha, b + a = ba v. v...

Thế rồi luôn mấy kỳ, báo *Đ. N. Đ. V.* thường dành đến hai trang hằng luần để đăng một liên-tục bài về cách học quốc ngữ:

Số 274 ngày 31—1—1897 (tr. 6).
Số 275 ngày 14—2—1897 (tr. 6-7).
Số 276 ngày 21—2—1897 (tr. 6 7).
Số 277 ngày 28—2—1897 (tr. 5-7).
Số 278 ngày 7—3—1897 (tr. 6 7).
Số 279 ngày 14—3—1897 (tr. 6-7).
Số 280 ngày 21—3—1897 (tr. 6 7).

Để tiếp tục việc ấy, báo *Đ.N.Đ.V.* số 282 (4-4-1897), có mục *Đề dịch thả tường* (trang 6) với cái « mũ » « Nay trích lấy 2 mục *Dịch lại bổ hoàn* (7) và *Bắc viên quy thuận* (8) trong số báo này, lấy chữ quốc ngữ dịch âm chữ nho để làm thí-dụ.

Có điều rất đáng chú ý là ngày nay nhiều người học chữ nho thường hay dùng quốc-ngữ mà chua bên cạnh để ghi âm chữ hán. Trái lại, trong bài báo *Đ. N. Đ. V.* trên đây dạy vỡ lòng học chữ quốc-ngữ lại dùng chữ nho để chua âm quốc-ngữ. Giá các bạn đọc bây giờ trông thấy nguyên văn bài ấy chắc không khỏi ngạc nhiên: tưởng như là một bài làm ra để cho những người Trung hoa chứ không phải cho người Nam ta học. Rồi các bạn không khỏi lan man ngẫm-nghĩ: xưa ta muốn dễ nhớ quốc-ngữ, thì lấy chữ nho mà chua âm quốc ngữ, nay ta lại muốn dễ nhớ chữ nho, thì lấy chữ quốc-ngữ mà chua âm chữ nho. Thật là trong vòng luẩn quẩn!

***

1897-1943: đằng đẵng 46 năm trường! Ngoài Bắc lũy còn phải theo đuổi công-cuộc cổ-động và truyền-bá học quốc ngữ. Một cái không ngờ: mấy nhà báo tiền khu vẫn còn phải gặp Hội Truyền-bá học Quốc-ngữ trong công-cuộc xã-hội ấy.

Đến đây, tôi xin nhường lời ông Nguyễn-duy-Tinh, trưởng ban Giáo khoa hội T.B.H.Q.N. đã nói trong bài diễn văn của ông đọc ở Hội quán Trí-Trí, Hà-nội, ngày 18-3-1943 dưới đầu đề « *Cái lẽ huyền vi trong kinh Dịch đối với công cuộc cứu tế và chống nạn thất học trong xứ sở* »:

(*Xem tiếp trang 21*

Ba vị trung-nghĩa triều Trần

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hội Truyền-bá quốc-ngữ mở lớp dạy cho những người không may bị cảnh thất học, có đặt ra mỗi khóa học bốn tháng; ai có thì-giờ học thêm thì Hội dạy những điều thường-thức về cách-trí, vệ sinh, luân lý, sử ký, địa dư, có khi lại đưa đi xem những danh-lam thắng-tích và những đền thờ các bậc vĩ-nhân.

Gần đây, ông đốc học ở khu trường Hoàng mai của Hội Truyền-bá quốc-ngữ có hỏi tôi về thần-tích làng Hoàng mai và làng Tương-mai để kể lại cho học trò: tôi cố đem sách chữ nho ra tóm-tắt lại, nay dịch cả ra đây (chỉ trừ những đoạn có vẻ thần tiên) để độc giả biết rõ sự tích ba vị anh-hùng đáng để cho quốc dân ghi nhớ tôn-sùng.

Thần tích làng Hoàng-mai chép: từ xưa làng Cổ-mai (nay Hoàng-mai và Tương-mai) thờ hai vị đại-vương, là Chân-thiên đại-vương, tên húy là Trần-khát-Chân (có người đọc nhầm là Trần khắc-Chân), tên tự là Kính-đức, và Thương-mai đại-vương, tên húy là Trần-Hương, tên tự là Hãng (một âm nữa là Hàng; có người đọc nhầm là Hãn).

Tiên-tổ hai vị đại-vương ấy là Trần-bình-Trọng, dòng-dõi vua Lê Đại-Hành (980-1005); bộ *Khâm-định Việt-sử thông giám cương-mục*, quyển 11, tờ 10 a, chỉ chép Trần-khát Chân là dòng dõi Bảo-nghĩa-vương, Trần-bình-Trọng; còn Trần nguyên-Hãng thì chép khác với thần-tích, dưới này sẽ dẫn.

Ông nội Bình-Trọng tên là Khâm, làm quan đời Trần Thái-tông (1225-1258), có công đánh Nguyễn-Nộn ở Bắc-giang, được phong làm Khuông quốc thượng-tướng-quân Thượng-vị-hầu. Cha Bình-Trọng là Kính được tước chữ minh, phụng mệnh đem bộ binh chống-cự với Tàu, cùng với chủ trại Qui-Hóa là Hà-Bổng chiêu-tập người Mường, người Mán ở Qui-hóa (Hưng-hóa) để đánh Mông-cổ. Khi Mông-cổ lui về vua Thái-tông cho Kính và Bổng tước hầu và quốc-tính (họ Trần) Kính mất, có con là Bình-Trọng, cũng có công đánh dẹp.

Nguyên tháng hai năm Trùng-hưng thứ nhất (1285), Trần Nhân-tông sai Hưng-đạo vương đem các đạo quân của những vương hầu, đi chống nhau với quân Nguyên (Mông-cổ). Hưng-đạo vương cho Bình-Trọng làm tiên-phong. Bình-Trọng nghe quân Nguyên đóng ở sông Thiên-mạc (nay là bãi Mạn-trù, huyện Đông-an, tỉnh Hưng-yên), bèn đi gấp tới đánh. Giặc Nguyên biết quân Bình-Trọng ít, cho hết quân ra đánh. Bình-Trọng thua ở bãi Thi-mạc, bị giặc bắt, nhịn đói, không ăn; giặc hỏi việc nước, không đáp, sau hỏi mỉa rằng: « Muốn làm vua Tàu chăng! » (chữ nho là: Vi Bắc-vương hồ?) Bình-Trọng mắng to lên rằng: « Thà làm quỉ nước Nam, còn hơn làm vua đất Bắc » (Ninh vi Nam-quỉ, bất vi Bắc-vương)! Rồi bị giặc Nguyên giết (việc này theo *Đại-Việt-sử-ký toàn thư*, quyển 5, tờ 47 a, *Khâm-định Việt-sử*, quyển 10, tờ 36 b-37 a, *Việt-sử tổng-vịnh*, quyển 5, tờ 4 b, đều chép vào tháng 2 năm Trùng-hưng thứ nhất; thần-tích làng Hoàng-mai chép vào đời Thiệu-long, có lẽ nhầm).

Khi quân Nguyên thua chạy về nước, vua phong cho Trần-bình-Trọng làm Bảo-nghĩa suy-trung trí-lực định-thắng uy-vũ đại-vương. Năm Hưng-long thứ tư (1296) cho con Bình-Trọng là Bình-Nguyên làm an-phủ-sứ lộ Kiến-xương. Bình-Nguyên sửa-sang trị sở ở Thịnh-quang, huyện Chân-ninh, làm việc quan khoan-hòa, cả lộ được yên.

Sau Bình-Nguyên mất, dân trong lộ làm biểu xin cho con Bình-Nguyên là Thừa-Gia làm chức an-phủ-sứ. Vua Trần Minh-tông (1314-1329) không cho. Thừa-Gia cố rèn-luyện học tập; trong hiệu Đại-khánh (1314-1323; *Đăng khoa lục* không chép khoa ấy) đỗ thái-học-sinh (tức tiến-sĩ), nhưng gặp vua Dụ-tông (1341) lên ngôi, hoang dâm vô độ, Thừa-Gia không chịu ra làm quan.

Con là Thừa-Hựu học-nghiệp thuần-chính, người bấy giờ gọi là « Thiện-trai tiên-sinh » Khi Hựu mất, con là Phúc-Xuân dời đến ở xã Nguế-dương, huyện Kim-động (nay thuộc phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên).

Phúc-xuân làm nghề thầy thuốc; con là Thừa-Mỹ, Hữu-Độ và Hữu-Lập. Mỹ và Độ mất sớm; Phúc-Xuân buồn rầu, bỏ nghề thuốc, ngày đêm chỉ uống rượu cho khuây. Khi Phúc-Xuân mất, con là Hữu-Lập lại theo nghề làm thuốc; mới học có một năm đã tinh thông; phàm người bồ-côi nghèo-khổ, đều nuôi trong nhà, ai có tật-bệnh, đều phát thuốc cứu cho; cả huyện Kim-động khen là hiền-sư. Người bạn của Lập là Nguyễn Hoa đã có câu khen rằng: « Con cháu ông Lập tất có người làm nên » (chữ nhọ là Lập chi hậu-thế tất hữu hưng giả).

Đến khi Lập mất, con là Vi-Nhân nối làm gia-trưởng, theo nghiệp cha rồi lấy con gái xã Kim-động là Đặng-thị-Thục làm vợ. Ngày tân-sửu tháng chạp năm Thiệu-khánh thứ nhất (1370) sinh Trần-khát-Chân ở ngôi nhà làm tại xã Kim-động. Ngày giáp ngọ tháng hai năm Thiệu-khánh thứ ba (1372) sinh Trần-nguyên-Hãng ở ngôi nhà làm tại xã Nhuế-dương. Hai anh em được cha mẹ dạy bảo rất nghiêm (chép trong thần-tích làng Hoàng-mai; theo bộ *Khâm-định Việt-sử* thì hai ông không phải là anh em: quyển 11, tờ 10 a, chép Trần-khát-Chân là người huyện Vĩnh-ninh (Thanh-hoá), đồng-dõi Bảo-nghĩa-vương Trần-bình-Trọng; quyển 11, tờ 19 a-b, chép Trần-nguyên-Hãng là con Cung-tín-vương Trần-nguyên-Trạch; *Khâm-định Việt-sử lỗng-vịnh*, quyển 5, tờ 7 a, chép Trần-khát-Chân là người làng Hà-lằng, huyện Vĩnh-ninh, tức là xã Bà-phương, huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hoá; tổ-phụ làm quan đến chức thượng-tướng-quân; *Đại Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 8, tờ 34 b, cũng chép như thế, nhưng lại nói bà đời làm thượng-tướng-quân).

Năm thứ tám hiệu Xương-phù đời Trần Đế-hiện (1384) Khát-Chân và Nguyên Hãng đều đỗ thái học-sinh (tức tiến-sĩ).

Tháng 10 năm Quang-thái thứ hai (1389), quân Chiêm-thành vào cướp Thanh-hoá, phạm đến làng Cổ-vô. Quan quân nước ta đóng cọc quanh thuyền, để phòng giữ, được hơn 20 ngày. Bên giặc Chiêm thì đắp đập ở thượng-lưu sông Lương-giang, phục binh tượng ở dưới, giả cách nhổ trại về lối. Thượng-hoàng (Trần Nghệ-tông) sai Hồ qui-Ly tuyển thì ũng quân tinh-dũng đuổi theo để đánh, mở chỗ đóng cọc; quân thuỷ quân lục đều ra. Giặc Chiêm một mặt khơi đập nước, một mặt cho voi xông vào. Quân tinh-dũng của Hồ-qui Ly không thể cứu nổi. Thuyền quân bị nước trong đập tháo ra, chảy xiết vào một chỗ, thành ra quân thủy quân bộ đều bị quân Chiêm giết hết. Hồ qui-Ly thua, mà tướng đội quân Thánh-dực là Nguyễn-Cảnh thì bị giặc bắt (cũng có chỗ chép là Trần-đình-Qui); còn những quân tướng khác, hơn 70 người, đều chết. Hồ-qui-Ly trốn về, để tì-tướng là Phạm-khả-Vĩnh và quyền thức tướng đội quân Thánh-dực là Nguyễn-đa-Phương chống nhau với giặc Chiêm ở Ngụ-giang (tức Lương giang). Đêm ấy Đa-Phương cùng Khả Vĩnh bàn rằng: « Thế giặc như thế, quân ta thế cô, khó mà chống giữ được lâu; nếu muốn đem quân về, thì quân giặc tất nhiên là thừa cơ theo sau ». Bèn hạ lệnh cho các quân phô-trương cờ, sí, cho thật rực-rỡ, buộc những thuyền lớn ở cọc bên sông, sai người canh giữ ngày đêm, rồi lấy thuyền nhẹ trốn lẻ Giặc thừa cơ thả quân cướp bóc.

Còn Hồ-qui-Ly về kinh, xin thêm chiến-thuyền ra đánh, nhưng Thượng-hoàng không cho: Hồ-qui-Ly giả lại binh-quyền, không ra quân nữa *Khâm-định Việt sử*, quyển 11, tờ 8 a-b).

Đến tháng 11 năm ấy (1389) quân Chiêm phạm đến Hoàng giang (nay ở Ninh-bình). Thượng hoàng sai đô tướng là Trần khát-Chân đem đội quân Long tiệp đi đánh. Khát-Chân vâng mệnh khẳng-khái khóc và nói rằng: « Chiêm thành vốn là phụ-dung nước ta, từ đời Đại-trị (1369) giở về trước thường sung thần đến cống; từ đời Thiệu khánh (1370) về sau thường xâm nhiễu cõi nhà vua, phạm đến xa giá, tội không thể dung được! Đại tướng (Hồ-qui Ly) ra quân thua trận giở về. Nay tôi vâng mệnh ra đánh, nếu giặc yên thì tôi ngày trông thấy mặt vua (tức vua), nếu quân Chiêm hoành hành, thì về kinh kỳ không có hiệu ». Thượng hoàng cũng rỏ nước mắt tiễn đưa.

(*Xem tiếp trang 8*)

Phòng thuốc
CHỮA PHỔI
chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630
Giờ mở cửa:
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều
Đặc biệt: *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*
Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06, sẽ được trả lời ngay.

KỊCH «KINH KHA»

do ban Thế Lữ trình bày

CAO-CƯƠNG

Ai đã từng đọc sách Chiến-quốc chắc còn nhớ Kinh Kha đã vì lê-dân nước Yên, đã vì tri-kỷ là Thái-tử Đan nước ấy mà mưu thích vua Tần — nếu trước khi nói đến Kinh Kha, ta thử phác-qua cái tình hình xã hội đời Chiến-quốc, rồi từ cái tình hình ấy đem đối chiếu với vở kịch, sẽ biết ban kịch Thế Lữ đã thành công hay không trên sân khấu.

Nhà Đông Châu suy yếu, chư hầu mỗi người chiếm một phương không theo mệnh lệnh Thiên-tử; nước này lang bức nước khác, chỉ những muốn xưng hùng xưng bá; xã hội thật là rối-ren, chính-trị thật là điên đảo.

Thời loạn là một cơ hội cho các tay tài tuấn xuất đầu lộ diện, nào những tay chính trị giỏi như Thường-Quân đem kinh luân tài trí để lập nghiệp bá, thuyết khách như Tô Tần, Trương Nghi đã khéo đem ba tấc lưỡi du thuyết, chư hầu để bày kế để hợp tùng, liên hoành, mưu mô thao lược như Tôn Võ, Tôn Tẫn, Bàng Quyên, bất nhân như Ngô Khởi, hào hiệp như Mạnh Thường quân, đều xuất hiện. Ngoài ra lại còn những tay hiệp sĩ kéo lê gươm đi thiên hạ để «giữa đường thấy sự bất bình» thì ra tay gánh vác.

Kinh Kha chính là một trong các tay hiệp sĩ ấy, vì ngoài Kinh Kha còn Chuyên Thư, Yếu Ly, những hiệp sĩ ấy không vì Thiên-tử nhà Châu, không vì đất nước, quê hương gì cả chỉ vì tri-kỷ mà hiến cả tính-mệnh nữa.

Cái thời rối ren ấy, tư tưởng tôn-quân, thân dân không còn gì cả nên đã có các nhà học giả như Mặc Tử, Mạnh Tử, muốn đem cái đạo của mình để trị-loạn, để an-bang, hay nói cho đúng là để cứu-vãn lấy thời thế.

Nhưng sao được! Mạnh Tử đã nhọc lòng về việc đi các nước mà nói những nhời nhân-nghĩa trong buổi ấy!

Cái tình thế chư hầu cứ thế kéo dài mãi cho đến khi các nước lớn thôn-tính các nước nhỏ rồi trơ lại còn có nước Tần, Sở, Yên, Tề, Hàn, Triệu, Ngụy.

Trong số ấy nhà Tần nhờ được phép cai trị độc đoán của Thương Ưởng, nên giàu mạnh, mới nghĩ được việc thôn tính các nước kia.

Chính lúc nước Tần đem binh đóng cõi nước Yên, thì ta thấy Kinh Kha xuất hiện.

Kinh Kha là ai?

Kinh Kha là con nhà dòng dõi nước Tề, nước Tề loạn, phải trốn sang Ngô, rồi lại phải rời nước Ngô, ở Ngô không yên, lại bỏ sang nước Vệ, không dung thân được ở Vệ định đi sang nước Yên. Đi lang-thang như thế là vì muốn tìm bạn đồn chí để báo thù và gây dựng lại cho nước Tề. Nhưng đi đến đâu cũng không đạt, đành phải ẩn náu ở núi non cùng bạn là Cao Tiệm Ly đánh trúc hát những khúc khẳng-khái bi ai.

Người tráng-sĩ ấy ôm mối hận mà đến nước Yên thì cũng chính lúc nước Yên có cái vạ quân nhà Tần kéo đóng ngoài cõi.

Bạn cùng Điền Quang, quan nước Yên, Kinh Kha đã nhờ được ông này nhiều phen giúp đỡ, thì dịp đâu may mắn Thái tử Đan nước Yên lo cái vạ mất nước đến nơi, mới cầu kế ở Điền Quang. Ông này không còn gì hơn là tiến cử Kinh Kha lên Thái tử để mưu việc hành thích.

Thái tử Đan đã đãi Kinh Kha thế nào? Nào đưa vàng để nếm xuống ao, nào mổ gan ngựa quý cho ăn, nào chặt tay mỹ-nhân dâng Kinh Kha. Các điều mua chuộc lòng Kinh Kha, Thái tử đều đem ra dùng hết.

Một điều nữa kích thích Kinh Kha là Điền Quang sợ tráng-sĩ không quyết giúp nước Yên, sau khi gặp Kinh Kha ở quán rượu ra, tự sát để cảm lòng người hiệp-sĩ.

Kinh Kha phải vào yết kiến Thái tử, nhận lấy cái việc hành thích vua Tần. Biết là một việc chết mà phải nhận, người tráng-sĩ sông Dịch đã hi-sinh tính mệnh để tạ lòng tri-kỷ.

Việc không thành, là vì vua Tần chạy thoát, vua Tần thoát, mạng Kinh Kha không còn. Chuyện Kinh Kha phác qua như trên, chép trong sách là cốt để ghi cái lòng nghĩa hiệp của một tráng sĩ không phải vì trung quân, ái quốc, chỉ vì tri kỷ mà gánh lấy cái chết đó thôi.

***

Vở kịch *Kinh Kha* diễn hai hôm thứ bảy và chủ nhật vừa rồi, 2, 3 Octobre 1943, tuy ban kịch đã

(Xem tiếp trang 19)

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 64

Ông-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa đinh-mùi, hiệu Hồng-đức thứ 18 (tức năm 1487) đời vua Lê Thánh-tông (1460-1497), lấy 27 ông đỗ tam-giáp đồng-tiến-sĩ xuất-thân, là những ông sau này:

1. — Phạm-Trân, người làng Đông-phú-liệt, huyện Thanh-đàm, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Đỗ hội-nguyên khoa đinh-mùi 1487; vào đình-thí đỗ đồng-tiến-sĩ. Làm quan đến chức thừa-chánh-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 5 a-b).

2. — Nguyễn-thông-Doãn, người làng Tăng-quảng, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 35 a)

3. — Nguyễn-Húc, người làng Tam-sơn, huyện Đông ngạn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Năm tân-dậu 1501, niên-hiệu Cảnh-thống, ông làm quan Lại-bộ tả-thị-lang, phụng mệnh sung chức chánh-sứ sang nhà Minh về việc tuế-cống. Ông là anh ông Nguyễn-khiết-Tú, đỗ nhị-giáp năm 1496, là bác ông Nguyễn-Tảo, đỗ tam-giáp năm 1518, và Nguyễn-hòa-Trung, cũng đỗ tam giáp năm 1518. Ông sinh ra ông Nguyễn-hy-Tái, đỗ nhị-giáp năm 1518, và Nguyễn-tự-Cường, đỗ nhị-giáp năm 1514. Cha con anh em đều đỗ đại-khoa (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 28 b-29 a).

4. — Phạm-Nại, người làng Bình-hồ, huyện La-giang, phủ Đức-quang, trấn Nghệ-an. Năm 26 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức phủ-doãn phủ Phụng-thiên (*Đăng Khoa bị khảo*, quyển Nghệ an Hà-tĩnh, tờ 19 a).

5. — Vũ-Phất, người làng Yên-chân, huyện Yên-dương, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Năm 24 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức Hàn-lâm-viện hiệu-thảo (*Đang khoa lục*, quyển 1, tờ 35 a). *Đăng khoa bị khảo* (quyển Hải-dương, tờ 88 a) chép làm quan đến Hàn-lâm-viện thị-độc.

6. — Nguyễn duy-Minh, người làng Hà-trường, huyện Giáp sơn, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Năm 30 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 35 a, chép đỗ năm 20 tuổi). Làm quan đến chức tả-thị-lang, lĩnh thừa-chánh-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 96 a).

7. — Nguyễn-diệu-Huy, người làng Phi-xá, huyện Thiện-tài, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm 24 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức phó-đô ngự-sử (*Đang khoa lục*, quyển 1, tờ 35 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 122 b).

8. — Nguyễn-hanh Phu, người làng Nội duệ, huyện Tiên-du, trấn Kinh-bắc. Năm 20 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức thị-lang (*Đang khoa lục* quyển 1, tờ 35 b). *Đăng khoa bị khảo* (quyển Kinh-bắc-tờ 18 a) chép làm quan đến tả-thị-lang.

9. — Nguyễn-Thù, người làng Bình-hồ, huyện Đông-an, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Làm nhà ở làng Thổ-hoàng, huyện Thiên-thi Đỗ đồng-tiên-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức tham-chính. Là cháu ông Nguyễn Lệ đỗ nhị giáp cùng khoa 1487: hai chú cháu cùng đỗ một khoa, cùng làm quan một triều (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 35 b, *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 61 a).

10. — Nguyễn nho Tông, người làng Vực-đường, huyện Thiên-Thi, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Năm canh-thân 1500 niên-hiệu Cảnh-thống, làm chức thượng bảo thiếu-khanh. Phụng mệnh sung chức phó-sứ sang Tàu, tạ về việc vua nhà Minh sai quan sang tế vua Lê Thánh tông Thuần hoàng đế (1460-1497). Làm quan đến thượng thư. Khi Mạc-đăng Dung tiếm ngôi (năm 1527), ông không chịu khuất, được phong là tiết nghĩa *Lịch triều hiến-chương*, nhân-vật chí, *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn nam, tờ 71 b; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 35 b).

11. — Nguyễn tủng-Mục, người làng Hiến-nạp, huyện Diên-hà, phủ Tiên-hưng, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức thị lang. Khi nhà Mạc tiếm ngôi (năm 1527), ông không chịu ra làm quan với nhà Mạc; sau nhà Lê trung hưng phong ông là tiết-nghĩa (*Đăng khoa lục*.

(*Xem tiếp trang 19*)

BA VỊ TRUNG NGHĨA . . .
(Tiếp theo trang 5)

Khi quân của Khát-Chân đến Hoàng-giang thì gặp giặc Khát-Chân xem không có chỗ đánh được, mới lui về giữ sông Hải-trào (nay ở tỉnh Hưng-yên, giáp-giới hai huyện Hưng-nhân và Tiên-lữ)

Em Trần Đế-hiện là Trần-nguyên-Diệu, muốn vì Đế-hiện báo thù, đem quân hàng với Chiêm-thành *(Khâm-định Việt sử*, quyển 11, tờ 9 b).

Đến tháng giêng năm canh-ngọ, hiệu Quang-thái thứ ba (1390), Trần khát-Chân đánh được quân Chiêm ở Hải trào, giết được vua Chiêm là Chế-bồng-nga (xem quyển Georges Maspero, *Le royaume de Champa*, trang 203-218).

Nguyên Chế bồng-nga cùng với hàng trống là Trần-nguyên-Diện, đem hơn một trăm chiến-thuyền đến dòm dỏ hình thế quan quân nước ta. Các thuyền chưa họp lại với nhau thì tiểu thần của Chế-bồng-nga là Ba Lậu-kê bị Chế-bồng-nga trách phạt: hắn sợ bị giết, chạy sang quân ta, trỏ thuyền sơn lục bảo: « Đấy là thuyền vua Chiêm ». Trần-khát-Chân liền sai đốt thuốc pháo, bắn ra một lượt, đạn bay chính vào mình Chế-bồng-nga, suốt qua ván thuyền: Chế-bồng-nga chết ngay, quân Chiêm đều sợ, rồi tan hết.

Trần-nguyên-Diệu nhân lấy đầu Chế-bồng-nga, chạy về với quân ta: chức phó-tướng ở đại-đội quân Long-tiệp là Phạm nhữ-Lặc và chức đầu-ngũ là Dương-Ngang bèn giết Trần-nguyên-Diệu, chém lấy đầu và lấy cả đầu Chế-bồng-nga đem dâng. Trần-khát-Chân sai đóng hòm đưa về hành-tại Bình-than (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 8, tờ 17 b, chép Trần-khát-Chân sai chức quân-giám là Lê-khắc-Khiêm).

Khi tin được về đến nơi, mới trống canh ba, Thượng-hoàng giật mình dậy, tưởng là giặc đến. Kịp nghe tin thắng trận, mừng lắm, cho vời bách quan đến xem. Trăm quan đều lạy mừng. Thượng-hoàng nói rằng: « Ta với Chế-bồng-nga chống nhau đã lâu, nay mới được trông thấy, khác gì Hán Cao-tổ thấy đầu Hạng-Vũ! Thế là thiên-hạ được yên. »

Tướng Chiêm-thành là La-Khải thu nhặt những quân còn sống sót, hỏa táng thi-cốt Bồng-nga, đêm ngày đi vùng sơn cước, bắc giá làm bếp, thổi cơm ở trên, vừa đi vừa ăn, gặp quan quân của ta đuổi theo đánh, thì hắn dừng voi lại, quăng của-cải ra để ngăn cản, cho nên đem quân về nước được toàn-vẹn.

Đến tháng ba năm Quang-thái thứ ba (1390), vua Trần Thuận-tông ban chiếu, định công cho những người đi đánh Chiêm-thành: Trần-khát-Chân được làm chức Long-tiệp phụng-thần, nội-vệ thượng-tướng-quân, phong tước Vũ-tiết quan-nội-hầu *(Khâm-định Việt-sử*, quyển 11, tờ 13 b), lĩnh tổng Đông-thành và tổng Nguyễn-xá làm thái-ấp.

Năm Quang-thái thứ tư (1391), Trần-nguyên-Hãng được làm chức thái-bảo, phong tước Thượng-vị-hầu, lĩnh tổng Hưng-nguyên và tổng Tràng-lạc làm thái-ấp.

Đoạn này chép theo thần-tích làng Hoàng-mai, so với quốc-sử không thấy chép Trần-nguyên-Hãng làm thái-bảo năm nào, chỉ thấy chép tháng 10 năm Quang-thái thứ 6 (1393) Thượng-hoàng (Nghệ-tông) đem vợ Trần Đế-hiện là Trần-thị gả cho thái-bảo Trần-nguyên-Hãng. Người đàn-bà họ Trần ấy là con gái vua Trần Nghệ-tông, tên là Thiên-huy công-chúa. Sau khi Trần Đế-hiện bị giết, Nghệ-tông muốn chọn người để gả, thì công-chúa nhân đi chơi hồ Tây, tư-bôn với phủ-quân-ty tên là Trần-nguyên-Uyển: Nghệ-tông giận, gả cho em Trần-nguyên-Uyển là Trần-nguyên Hãng để cho nhục *(Khâm-định Việt sử* quyển 11, tờ 19 a).

Năm Quang-thái thứ 10 (1397) Trần khát-Chân lấy người Nhuế-dương là Lê-thị Ngọc-Giao làm vợ. Vua Trần Thuận-tông (1388-1398) lấy xã Cổ-mai làm thái-ấp cho Trần-khát-Chân và Trần-nguyên-Hãng. Từ bấy giờ, hai ông làm nhà ở gò Nghê, xã Cổ mai để ở. Sau Trần-nguyên-Hãng lấy người làng Cổ-mai là Vũ-thị Ngọc-Tin làm vợ (chép trong thần-tích làng Hoàng-mai).

Tháng tư năm kỷ-mão (1399) hiệu Kiến-tân thứ hai đời Trần Thiếu đế (1398-1400), Hồ-quí-Ly giết Thượng-hoàng là Trần Thuận-tông ở Ngọc-thanh quán (nay ở thôn Đạm-thủy, huyện Đông-triều,

Dạy học thuốc và chuyên chữa Nội-khoa
theo thể-thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có:
Thượng-Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tín-nhiệm hoàn toàn

tỉnh Hải-dương). Trần-nguyên-Hãng và Trần-khát-Chân bàn mưu đến ngày hội minh (ăn thề) giết Hồ-quí-Ly (lệ nhà Trần thường hội minh về tháng tư).

Ngày hội minh họp nhau ở Đồn-sơn (xã Cao-mật, huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hóa, hiện nay hãy còn miếu thờ Trần-khát-Chân). Hồ-quý-Ly lên lầu nhà Trần-khát-Chân để xem lễ, lạm dùng nghi-vệ Thiên-tử đi tuần hành. Phạm-tô-Thu (cháu tướng-quân Phạm-khả-Vĩnh) và thích-khách là Phạm-ngưu-Tất cầm gươm muốn tiến. Trần-khát-Chân chăng mắt ngăn thôi thành ra không xong việc. Hồ quí-Ly thấy động, đứng dậy, vệ-sĩ hộ vệ xuống lầu.

Phạm-ngưu-Tất quang gươm xuống đất nói rằng: « Cả bọn rồi chết uổng mạng » (Cử chúng đồ tử nhĩ)! Quả nhiên việc hết lộ ra, thì thái-bảo là Trần-nguyên-Hãng, trụ-quốc là Nhật-Đốc, tướng-quân là Trần-khát-Chân và Phạm-khả-Vĩnh, thượng-thư Hà-đức-Lân (*Toàn-thư*, quyển 8, tờ 34a, chép là hành-khiển Hà-đức-Lân), hành-khiển Lương-nguyên Bưu và bọn Phạm-ông-Thiện, Phạm-tô-Thu, Phạm-ngưu-Tất, cả bọn và thân-thuộc liêu-tá hơn 370 người đều bị hại, tịch-ký gia-sản (*Toàn-thư*, quyển 8, tờ 34a, chép cả bọn đều bị giết, tịch-ký gia-sản, con gái bắt làm đầy tớ nhà quan, con giai từ một tuổi giở lên, hoặc chôn sống, hoặc dìm xuống nước).

Hồ-quý-Ly cho đi tìm bắt dư đảng, hàng trăm không thôi, cho nên những người quen nhau gặp nhau ở đường chỉ chỉ trỏ trỏ nhau bằng mắt, không dám nói chuyện (*Khâm định Việt-sử*, quyển 11, tờ 34a-35a); trong nhà không được chứa người đi đường ngủ nhờ; nếu có người ngủ đỗ thì phải bảo nhà láng giềng đồng-đồng xét hỏi giấy tờ hành-lý để làm bảo chứng; các xã đều đặt điểm tuần (ngày đêm canh giữ xét hỏi *Toàn-thư*, quyển 8, tờ 34a).

Sau táng hai ông ở Đồn Sơn người làng cho là tử-tiết, lập miếu thờ. Người nhà là Vũ-Toản trốn về Đông-đô (tức Hà-nội bây giờ) đến làng Cổ-mai thu nhặt gia-tài chẩn-cấp cho người trong làng. Người làng Cổ-mai bèn lập miếu thờ và tạc hai pho tượng đá. Sau vua Lê-Lợi (1418 1433) dẹp được giặc Minh, bố-cáo thiên-hạ, sai sứ đi biền-cáo bách thần, phong Trần-khát-Chân làm Chân-thiên đại-vương, thụy Trung-thiết, Trần-nguyên-Hãng làm Hương-mai đại-vương, thụy Trung-tiết, Phạm-ngưu-Tất làm nghĩa lang tướng quân (chép trong Khâm-định lăng Hoằng mai).

Ứng-hoa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Muốn làm giàu mua giá số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Giới thiệu

Chúng tôi nhận được của nhà xuất bản Mai Lĩnh 4 cuốn sau này:

1) *Đoàn Nông*: Sự tích và nghệ thuật hát bộ giá 3$00.

2) *Phan Trần Chúc*: Tình đô vương và thời Lê-mạt giá 1$20.

3) *Nguyễn đức Tính*: Cảm-tính và hoạt động (tâm lý học) giá 1$30.

4) *Minh Đàn*: Mạnh thường quân (một nhân vật trong thời chiến quốc) giá 0$80.

5) *Dương quảng Hàm*: Việt nam thi văn hợp tuyển (bản in 1943) giá bắt buộc 1$40 của nhà Học Chính xuất bản.

Xin cảm ơn nhà xuất bản đã có nhã ý tặng sách và giới thiệu các tác phẩm trên đây của những nhà văn quen biết với bạn đọc.

Trí Tân

ĐÃ CÓ BÁN

Khảo-cứu về Tiếng Việt-Nam

của Trà-Ngân giá 2$50

Các bạn mỗi người đều nên có một cuốn **Khảo cứu về tiếng Việt-Nam**, để các bạn nói cho đúng, viết cho đúng tiếng nước nhà. — Các bạn còn biết cách làm các lối thơ phú, từ, khúc, và còn được thưởng-thức những áng văn kiệt tác trong văn-học giới Việt-Nam.

Công - chúa tóc vàng

Tức Hoa Mai số 32

của Phan-Nhứ giá 0$20

THÁM-HIỂM GÒ KHÚC-RỒNG

Tức Hoa Mai số 33

của Nguyễn-Phú-Đốc giá 0$20

Nhà xuất bản Cộng-lực

N° 9, Rue Takou — Hanoi

HỌ VUA NHÀ NGUYỄN

TỬ-NGỌC

Một du-khách ở Bắc hay ở Nam đến Huế thường ngạc nhiên thấy ở đất Thần-kinh rất nhiều họ khác nhau, mà những họ ấy là những chữ rất quý quặc : nào là Ưng Mỗ, Bửu Mỗ, nào là Chiêm Mỗ, Viễn Mỗ ; nào là Cường Mỗ, Tráng Mỗ, nào là Thể Mỗ, Dương Mỗ.

Thực ra những chữ đặt trước tên đó không phải là họ mà chỉ là những chữ lót đặt trước tên những người trong những hoàng-tộc. Đáng lẽ ra phải đặt là : Nguyễn Phước Ưng Mỗ, Nguyễn-Phước Bửu Mỗ. .

Song những chữ lót ấy không phải là tùy ý đặt thế nào cũng được, mà phải đặt theo một qui-tắc nhất định :

Nguyên vua Gia-long sinh được 13 hoàng-tử. Trừ hai người mất sớm, còn 11 người.

Mỗi người đều được vua Minh-mạng đặt cho một bài thơ ngũ ngôn tứ-tuyệt, để cứ theo đó mà lần lượt đặt chữ lót cho con cháu.

Bài thơ thuộc về con cháu vua Minh-mạng thì gọi là « đế hệ thi » còn 10 bài thơ thuộc con cháu các hoàng-tử khác của vua Gia-long gọi là « phiên-hệ-thi ».

Dưới đây, chúng tôi xin chép hai câu đầu trong mỗi bài thơ đó, để độc-giả có thể hiểu cách đặt chữ lót trong hoàng-tộc và có thể phân-biệt thế-thứ cùng sự liên-lạc của các hệ :

1· Ngành trưởng
(ngành hoàng-tử Cảnh)

Mỹ duệ tang cường tráng
Liệu huy phát bội hương

2· Ngành thứ tư
(ngành vua Minh mạng)

Miên hường ưng bửu vĩnh
Bảo qui định long trường

3· Ngành thứ năm
(ngành Kiến-an-vương)

Lương kiến ninh hòa thuật
Du hành suất nghĩa phương

4· Ngành thứ sáu
(ngành Định viễn quận-vương)

Tịnh hoài chiêm viễn ái
Cảnh ngưỡng mậu thanh kha

5· Ngành thứ bảy
(ngành Diên-khánh-vương)

Diên hội phong hanh hiệp,
Trùng phùng tuấn lãng nghi.

6· Ngành thứ tám
(ngành Điện-bàn-công)

Tín điện tư duy chánh
Thành tồn lợi thỏa trinh

7· Ngành thứ chín
(ngành Thiệu-hóa quận-vương)

Thiện thiệu kỳ tuần lý
Văn tri tại mẫn du

8· Ngành thứ mười
(ngành Quảng-oai-công)

Phụng phù trung khải quảng
Kim ngọc trác tiêu kỳ

9· Ngành thứ mười một
(ngành Thường-tín quận-vương)

Thường các tuân gia huấn
Lâm trung túy thạnh cung

10· Ngành thứ mười hai
(ngành An-khánh-vương)

Khâm tùng xung ý phạm
Nhã chánh thủy hoằng qui

11· Ngành thứ mười ba
(ngành Từ sơn công)

Từ thể dương quỳnh cẩm
Phu văn ái diệu dương

Cứ xem các câu thơ ấy, ta sẽ thấy :

Thí-dụ :

— người lót chữ *tráng* là con người lót chữ *cường*, cháu người lót chữ *tăng* ;

— người lót chữ *vĩnh* là con người lót chữ *bửu*, cháu người lót chữ *ưng* ;

— người lót chữ *ái* là con người lót chữ *viễn*, cháu người lót chữ *chiêm*.

Ta lại có thể biết rằng : *tráng* ngang hàng với *vĩnh* với *ái*, *cường* ngang hàng với *bửu*, với *viễn*, *tăng* ngang hàng với *ưng* với *chiêm*...

Hiện nay ngành thứ nhất còn 32 người,
ngành thứ tư còn 2.200 người,
ngành thứ năm còn 46 người,
ngành thứ sáu còn 183 người,
ngành thứ bảy còn 39 người,
ngành thứ tám còn 8 người,
ngành thứ chín còn 18 người,
ngành thứ 10 không còn người nào,
ngành thứ mười một còn 8 người,
ngành thứ mười hai còn 9 người,
ngành thứ mười ba còn 79 người,

Sở dĩ ngành thứ tư còn nhiều người, trội hẳn lên như thế, là vì vua Minh-mạng có những 78 hoàng-nam (1).

Ngoài các ngành nói trên, gọi là các *hệ chánh* (nghĩa là từ triều Gia-long trở về sau), còn các *hệ tôn-thất*, của những người là hậu-duệ của các chúa và anh em các chúa từ ông Nguyễn-Kim cho đến vua Gia-long. Những người đó đều đặt trước tên hai chữ *Tôn-thất*.

Cách đặt chữ lót kể trên chỉ dùng cho phái đàn ông thôi ; còn đàn bà thì đặt như thế này :

(Xem tiếp trang 21)

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 10

MINH-TUYỀN

Chúng ta đã thành công trên trận tuyến:
Cá-Nhân và Đồng-Loại; — Rạn rùng thay! —
Nên mới có phút giây này vinh-hiển
Nhưng riêng cho thế-hệ chúng ta đây,
Mà chung cả cho lớp người sau trước
Sẽ và đã tung hoành dưới bóng dương
Để khám phá những cơ-quan hiểm hóc
Của hoá-công biến hoá tưởng vô-lường.
Chúng ta đã thắng ta, Anh em hỡi!
Là dọn đường đi tới thắng thiên-nhiên.
Sống không một lúc nào không gắng gỏi
Để tâm-khẩu khôn hòng nổi dậy lên,

. . . . . .

Lung-tung cờ phất. Dưới chân đá nất.
Dậy đất tiếng reo. Đuốc cháy, bùng-bùng.
Bùng-bùng đuốc cháy. Tiếng reo dậy đất.
Đá nất dưới chân. Cờ phất lung tung.

***

Anh em hỡi! Những ai, tay cầm đuốc,
Giữa đêm khuya mờ-mịt thẳng đường trông
Y-vĩ-Lịch, thần-sơn cao chót-vót,
Vịn vai nhau giẫn bước tiến lên không,
Là biểu-hiệu người đời ta lớp-lớp
Đổi thay nhau, lần lượt nhảy xông vào
Mặt chiến địa, sấm vang, loè ánh chớp,
Gió tung mây, thúc sóng, thổi ào-ào,
Làm cát bụi, quay cuồng cơn lốc cuốn,
Đặc sương mù, xám thẫm khoảng không cùng,
Đen là Trời bí-hiểm, sâu vô-tận.
Lửa là tia nhân-não chiếu mông-lung.
Và sứ-mệnh của Loài-Người chân-chính
Là nơi cao chẳng quản bước chông gai,
Lấy tương-trợ, tương-thân làm bảo-lãnh
Để coi thường cản-trở cõi trần ai.
Công-trình phá hoang-vu Hy-Mã-Lạp
Với kỳ-khu tô-điểm cõi nhân-tâm
Để tới đặng chốn « Loài Người hợp nhất »
Là tương-đương giá-trị quý vô ngần!
Anh em hỡi! còn cá nhân danh-dự
Với cá-nhân hạnh-phúc mộng mong chờ
Chỉ hiển-hiện ở can trường cảm-tử
Ở hy-sinh, cố gắng, ở tôn-thờ
Một lý-tưởng, chẳng quan-tâm thắng bại,
Ở mê tin Nhân-Loại sẽ thành-công,
Sẽ đoạt đặng dải vô cùng vĩ-đại
Mà Hoá-Công cao đặt thưởng anh-hùng.
Ấy vũ-trụ đẹp say-sưa vạn thủa,
Chứa ly-kỳ biến tựa sắc triều-lưu,
Song nếu vũ-trụ sinh thành vũ-trụ
Thì Loài-Người tạ-tái biết là bao?

. . . . . .

Phóo nổ dậy, lệch-chênh bầu vũ-trụ,
Trống rung liền, loạng-choạng bóng nhân-gian,
Đèn bựt chớp, tiếng reo trời tưởng vỡ,
Lửa tung sao, tay vỗ đất hồ tan.

XI

Nàng thơ hỡi! Ồ đâu mất? Đâu mất
Rẫy bát ngát trường-sơn cảnh diễn đàn,
Thế-giới lạ của Loài-Người hợp-nhất
Đang cuồng say, ngây-ngất thú hân-hoan?
Nàng thơ hỡi! Trời ơi! đây hiện-tại!
Hãy chở ta đi! Hãy chở ta đi!
Về Tương-Lai! Tương Lai-kia mãi-mãi!
Hãy chở ta đi! Hãy chở ta đi!

(Hết)

M. T.

Những di chúc
của mấy danh nhân Đông, Tây

PHẠM-MẠNH-PHAN

Trần Danh Án

Ông hiệu Liễm-Am, người làng Bảo triện, tỉnh Bắc-ninh, con quan Trần Danh-Lâm, thượng thư đời Lê Trung-hưng.

Năm Chiêu-thống thứ 2 (1788), Trần Danh Án đỗ tiến sĩ, rồi vì có công trong việc cầu viện quân Thanh, được thăng phó đô ngự-sử.

Ông Án, sau khi Lê mất, vẫn không chịu ra làm quan với triều Tây sơn. Ông có lỏ cái ý cô trung ấy trong câu thơ này và mong sau lúc mình nhắm mắt, được người ta đề rõ vào tấm bia trên mả mình là một cố thần nhà Lê:

« *Thân hậu, mộ bằng, nhận chỉ điểm :*
« *Lê triều, tiến sĩ, tính danh Trần.* »

Nghĩa là:

Bên mộ, qua đường người chỉ trỏ :
Họ Trần, tiến sĩ ở triều Lê !

(Bản dịch của Hoa Bằng)

Cao Bá Quát

Ông người làng Phú-thị, huyện Gia lâm, Bắc-ninh, là một bực danh nho dưới triều vua Tự-đức (1848-1883).

Ông nổi tiếng là hay chữ. Người đương thời đã có câu : « *Văn như Siêu, Quát vô Tiền Tấn* », có ý khen văn ông phó bảng Nguyễn Siêu và ông Quát thì đến văn hay như nhà Tiền Tấn bên Tàu cũng khó mà sánh kịp.

Cậy có tài giỏi mà phải sống im lìm trong bóng tối, nên ông Quát lấy danh nghĩa hầm mộ nhà Lê, đứng đầu một bọn người thường gọi là « giặc châu chấu » để chống lại với triều đình.

Gia nhập với bọn Lê duy Cự, ông nuôi mộng lớn chọc giời khuấy nước để làm nên một « vị Thái tổ sáng nghiệp của họ Cao ».

Năm Tự-đức thứ 7 (1854) ông cùng các đồng đảng bị bắt và bỏ cũi đưa về Hanoi để đem hành hình tại nguyên quán.

Tuy đã xa lưới pháp-luật, nhưng ông vẫn nuôi cái mộng « *đế vương* », nên ngồi trong ngục thất, ông tức cảnh 2 câu thơ ngạo-ngược :

« *Một chiếc cùm lim chân có đế*
« *Ba vòng xích sắt bước thì vương !*

Cho hay đến phút cuối cùng nguy nan, ông Quát vẫn còn có mộng đứng đầu thiên hạ.

Và trước lúc đem ra hành hình, ông cụ ứng khẩu đọc 2 câu :

Ba hồi trống giục dù cha kiếp,
Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời !

Phan thanh Giản

Cụ đỗ tiến sĩ, làm quan dưới ba triều : Minh mệnh (1820-1840) Thiệu trị (1841-1847) và Tự đức (1848-1883).

Hồi quân Pháp đánh lấy ba tỉnh phía đông Nam-kỳ, cụ ký hòa ước rồi sang Pháp.

Năm 1867, quân thuyền Pháp lại tiến đánh tỉnh Vĩnh long để lấy nốt ba tỉnh phía tây. Cụ biết thế không sao chống lại, bèn nộp thành trì cho người Pháp rồi uống thuốc độc tự tử.

Biết cái việc tự ý dâng ba tỉnh đó là đắc tội với triều đình, cụ cho mình không còn là một bậc thượng quan nữa mà chỉ là một tội nhân.

Nếu sau khi chết, mà người ta còn phô trương cái phẩm hàm và chức tước của cụ ra, phẩm hàm của vị Hiệp biện đại-học-sĩ kinh-lược-sứ, thì trong lúc quốc gia đang trải những giờ phút đau thương, vong hồn cụ chỉ càng thêm buồn tủi !

Vì vậy, cụ chỉ muốn người ta coi cụ như một người học trò già họ Phan đã qua đời và cụ dặn lại cơm cháu đừng có khắc cả phẩm hàm của cụ lên mộ-chí.

Lời dặn trước khi cụ mất là :

« *Minh-tinh thỉnh tỉnh, nhược vô, ưng thư*
« *Đại-Nam hải-nhai, lão thư sinh tính Phan chi cữu*
« *Diệc dĩ thử chi mộ.* »

Nghĩa là :

« Xin bỏ tấm minh-tinh, nếu không thì nên đề là :

« Quan-tài của người học-trò già họ Phan ở góc bể Đại-Nam.

« Cũng lấy câu ấy mà ghi ở mộ.

(San nhuận hai bản dịch trong Đại Việt)

Ngoài câu dặn trên, nghe đâu cụ còn dặn lại con cháu và đám hậu sinh một câu sau này đầy ý nghĩa :

« *Nên học người, chứ đừng nên theo người* »

Sự-nghiệp của cụ Phan đã được cụ đồ Nguyễn đình Chiểu (1822-1888) viếng trong mấy vần thơ thống thiết :

« *Ba triều công-cán vài hàng sớ,*
« *Sáu tỉnh cương thường một gánh thâu*

« *Minh tính chín chữ lòng son tạc,*
« *Trời đất từ đây mặc gió thâu* (2)

Cụ Phan thanh Giản quả là một người giầu lòng ái quốc biết xót xa tới tính mệnh của người đồng chủng, biết rõ lực lượng quân bị của quốc gia hồi đó trước sức mạnh của đối phương.

Cự tự vẫn để tỏ lòng trung. Cái chết của cụ và lời di-chúc đã nói nhiều với người đất nước vì cụ chẳng phải như ai bán rẻ tâm hồn để tội tớ cho cọm áo mà nhận năm hào lấy những nụ cười mai mỉa.

Đền lại công-lao cụ, hồi đó linh cữu cụ đã được chở trên một pháo thuyền pháp đưa về an táng tại Bảo-thanh và vua Tự-Đức chẳng thấu rõ những nỗi đau lòng của cụ, đã xuống chiếu kết án bực danh thần trung quân ái quốc ấy.

Cụ Nguyễn Tư Giản lại bộ thượng thư cũng là chân tiến-sĩ xuất thân.

Suốt một đời tận tụy với nước với nhà lúc mất đi trên giường bệnh, con cháu cụ căn vặn đòi biết những ý muốn sau cùng, cụ chỉ trả lời bằng hai tiếng :

— Vô hám (nghĩa là cụ không oán hận thù trách ai cả)

Lý Trần Quán

Ông người làng Vân-canh, huyện Từ-liêm, đỗ tiến sĩ khoa bính tuất (1766), cuối Lê, làm đến Hiến sứ Hải-dương và Đốc đồng Cao-bình.

Năm 1786, quân Tây-sơn Nguyễn Huệ sau khi chiếm Quảng-bình và Quảng-Trị, liền tiến thẳng quân ra Bắc, hạ thành Thang-long.

Ngày 25 tháng 6 năm bính-ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 47 (1786), chúa Trịnh Khải, tức Đoan nam vương (1782-1786), mặc nhung y, cưỡi voi xông vào trận. Nhưng thế quân Tây sơn mạnh, nên Trịnh Khải bị thua ở bên sông Thuỷ-ái. Quân Tây-sơn đốt phá phủ Chúa.

Trịnh Khải thua, phải cùng một bọn hơn trăm quân chạy lên làng Hạ-lôi, huyện Yên lãng, tỉnh Sơn-tây rồi quân theo hầu tan hết.

Ở đó, chúa Trịnh Khải gặp Lý Trần-Quán trước lên đó phủ dụ dân chúng và mộ thêm binh.

Lý Trần-Quán liền sai học trò cũ là Nguyễn Trang hộ-vệ Trịnh Khải để lánh nạn và nói dối Trang là quan Tham-chính Bùi huy-Bích, Nguyễn Trang hiểu đích đó là chúa Khải, liền cố tình đem nộp Tây-sơn.

Lý Trần-Quán nghe biết chuyện, chạy theo lạy khóc, lấy tình thầy trò mà dỗ Trang để mong cứu lấy chúa Trịnh ; nhưng Trang trả lời :

— « Sợ thầy không bằng sợ giặc, yêu chúa không bằng yêu mình ».

Trịnh Khải không chịu khuất phục, nửa đường lấy gươm tự sát, bây giờ là ngày 27 tháng 6 năm bính ngọ (1786). Sau nhà chúa được Bắc-bình vương Nguyễn Huệ cho táng theo vương lễ.

Lý Trần-Quán nghe tin thương xót bội phần, hối hận đã không trọn lòng trung, liền tìm kế tự vẫn để tỏ gan dạ cùng giời đất.

Ông nhờ chủ quán sắm sẵn cho một cỗ áo quan và tìm một thửa đất để tự chôn sống. Rồi ông lấy bút mực viết :

« *Quốc phá quân vong, phu dự vô trang, bất như tử Đan hận bất tử ư vương chi tiền, nhi tử ư vương chi hậu* »

(Nước vỡ vua chạy, đi phò dự chẳng nên cộng trang gì, chẳng bằng chết, Chỉ hận không chết ở trước Chúa, lại chết ở sau chúa)

(Bản dịch của Trúc Khê)

Rồi ông ngồi vào hướng nam, lạy hai lạy, ông vào nằm sau trong quan tài và nói :

« Tam niên chi hiếu dĩ hoàn, thập phần chi trung vị tổ »

(Nghĩa là : Hiếu ba năm đã trọn vẹn, trung mười phần chưa làm được).

(Bản dịch của Ung Hoè)

Câu đó nhắc cho ta nhớ việc ông làm nhà ở cạnh mộ song thân ông khi trước để cư tang. Và nay gặp lúc Chúa lỵ nạn ông chỉ còn biết chết để tỏ lòng trung

Nói xong câu trên, ông dặn chủ quán nhớ nhắc lại lời cuối cùng ấy cho con cháu ông để dán thờ ở gia-từ, rồi ông nhờ chủ quán đậy hộ nắp quan tài và lấp đất lên để tự chôn sống

(Xem tiếp trang 17

Việt nam khoa học ngữ

Mang cái phương pháp ấy ứng dụng trong các khoa

Số 3

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

Tỷ-dụ về Vạn-vật học (sciences naturelles).

Vạn vật học chia ra nhiều ngành, nhiều món : Thực vật học (botanique) Động vật học (zoologie), Khoáng vật học (minéralogie), Thiên văn (astronomie), Địa lý (géographie générale) Địa chất (géologie) Vật lý (physique), v. v.

Các món này toàn là những món quan sát (sciences d'observation) nên trong sự nhận biết còn nhiều chỗ lỗm-bỗm (lacunes) thì tự nhiên sự xếp đặt các vật-học (objets d'une science) của chúng cũng chưa được tinh-vi trật-tự trăm phần trăm. Mình có nên xếp lại không ? Nên lắm, nếu các nhà khoa học chuyên môn của mình có thể làm được, vì công việc khoa-học chỉ là công việc xem xét cho hiểu biết và xếp đặt cho có trật-tự những điều mình hiểu biết thôi.

Nhưng xếp đặt lại được vì sau này mình hiểu biết hơn nhiều, hay chưa xếp đặt lại được vì mình chưa hiểu biết tường tận chu đáo thì những đẳng cấp danh từ của các món ấy mình cũng phải đặt cho có manh-mối, hên can thúc bá để khi kêu lên thấy ngay từng loại, từng hạng, từng thứ.

Về cách đặt tên cho các vật của Thực-vật học và Động-vật học, có mấy điều này mình nên biết trước :

Trong tiếng ta, tên các cỏ-cây cùng các loài vật thường là những tiếng lưỡng vận (mots simples dissyllabiques) không phải tiếng ghép (mots composés) như các nhà viết ngữ pháp (grammaire) vẫn lầm.

Chuồn-chuồn, Bướm-bướm, Ba ba, Rùa-rùa, Cà-cuống, Niềng-niềng, Cù-đèn, v v. là những chữ lưỡng vận đáng viết liền hai vần lại với nhau. Nhưng viết rời nó ra rồi lại nối nó lại bằng cái vạch nhỏ cũng không hại gì, vì đại đồng thì tiếng ta vẫn có vẻ là một thứ tiếng độc-vận.

Những danh-từ chỉ các con vật thường là những âm nó hình dung cái tiếng kêu hoặc cách cử động, của các con vật đó. Tỷ-dụ : *Bò, Nghé, Ễnh-ương, Cắc-kè ; Rùa-rùa, Ba-ba, Chuồn-chuồn, Bướm-bướm...*

Những tiếng lưỡng vận danh-từ như trên nầy đều có ý muốn thành những tiếng độc vận cả khi người ta dùng đến nó luôn. Cái đó là lẽ tự nhiên, vì nếu không tối nghĩa đi, thì ai cũng muốn đỡ nhọc công. Vì vậy các nhà Ngữ-tự học cho rằng các thứ tiếng đa-vận rồi sẽ thành ra độc-vận. Điều đó chưa chắc đã đúng, không thể đúng được. Có một điều chắc chắn là đúng là khi người ta bảo tiếng Việt-nam rồi sẽ thành ra một thứ tiếng đa-vận là người ta lầm (Chờ xem bài Le Monosyllabisme dans la Langue annamite, tôi sẽ đăng).

Tên các loài cây cũng vậy, phần nhiều là tiếng đôi : *Đu-đủ, Bìm-bìm, Lú-bú, Núc-nác, Thu-lịu, Thài-lài, Thia-là, Ô-ôi, Mò om, Tầm-duộc, Măng cụt, Chà-là, Sầu-riêng.* v. v.

Có thể theo mùi, theo vị, theo dáng mà đặt tên cho các cỏ cây: Có thể theo tên nơi chốn mà đặt tên cho các cỏ cây như *Chà-là Bồ-đào* (?), và các con vật như các tên rắn của giáo-sư Bourret.

Lại có thể việt-hóa tiếng pháp, năm bảy vần giữ lại hai vần kêu nhất.

Khi không có một tên rộng nghĩa người mình thường dùng hai tên hẹp nghĩa làm tiêu biểu mà đặt ra. Tỷ-dụ : *Trâu-bò* (bovinés), *Gà vịt* (volailles), *Gà-quê* (gallinacés), *Chim-muông, Cầm-thú* (oiseaux et quadrupèdes vertébrés), *Sâu bọ* (vers et insectes, invertébrés), *Chó má* (canidés). Bần cùng, chỗ nào người Pháp để chữ la-tinh, An-nam có thể để chữ nho vào được.

Khi mình đặt tên cho các cỏ cây cùng các loài vật chưa có tên, mình sẽ nhớ những điều ấy mà đặt.

***

Động vật học

Về động vật học xưa kia người Pháp, người Âu chỉ đẳng cấp ra như thế này : Race, Espèce, Genre, Famille, Ordre, Classe, Embranchement.

Những chữ Pháp này toàn là những chữ sẵn có ở trong Thường ngữ của Pháp. Nhưng cái nghĩa của chúng trong Thường-ngữ tương-tự giống nhau, không được phân biệt trên dưới, rộng hẹp rõ-

ràng. Nhưng Động vật học của Pháp đã xếp mấy chữ ấy như thế với cái ý trên dưới rộng hẹp hơn nhau, tức là đã định nghĩa khoa-học cho chúng, thì hễ nói về Động-vật học phải biết rằng Race ở dưới Espèce, Espèce ở dưới Genre; Classe ở vào giữa, dưới là Ordre, mà trên là Embranchement.

Động vận học biết một con vật là khi biết nó ở vào race, espèce, genre, famille, ordre, classe, embranchement nào.

Trong việt-nam thường ngữ cũng có những chữ tương đương với mấy chữ ấy của người Pháp là: *nòi, giống, loài, chủng, tộc, thứ, hạng, ngành.*

Mình có thể dùng mấy chữ ấy và biệt nghĩa cho chúng theo cái bảng đối chiếu tiếng pháp tiếng việt dưới này:

Race — *Nòi*
Espèce — *Loài*
Genre — *Giống*
Famille — *Họ*
Ordre — *Thứ*
Classe — *Hạng*
Embranchement — *Ngành.*

Một lần đã định xếp như thế thì từ đó trở đi phải nhớ mấy chữ ấy theo thứ tự ấy, tiếng nào trên, tiếng nào dưới. Tỷ-dụ phải nhớ rằng Họ ở giữa dưới là Giống, trên là Thứ.

Mình biết một con chó là khi nào mình biết nó thuộc vào *Nòi, Loài, Giống, Họ, Thứ, Hạng, Ngành* nào. Tỷ dụ phải biết con Chó ấy nó thuộc về:

1) *Nòi* (Race) Epagneule, Caniche, Dogue, Basset hay Levrier, vân vân.

Mình có thể đặt sau chữ Chó một tiếng phụ nghĩa, tạo ra bằng

Thống chế Pétain đã nói:

« Chúng ta đừng nên chia rẽ nhau vì những ý tưởng viển vông, nên hợp sức lại mà tìm phương kế hàng ngày giúp nước ».

cách phiên-âm tiếng pháp hay việt-hóa tiếng pháp ra. Đặt như thế rất hợp với cái phép đặt tên riêng — cái tên hẹp nghĩa thứ nhất — cho các vật của người Nam. Nếu việt-hóa tiếng pháp, Epagneule sẽ là Nhơn, Caniche là Ca-nít, Dogue là Đô, Basset là Ba-xê, Levrier là Yết chẳng hạn. Động vật học việt nam sẽ có những Nòi chó Nhơn, chó Ca-nit, chó Đô, chó Ba-xê, chó Yết, v.v.

Hay là nói rút lại cho tiện, thì thành ra *Chơn, Chít, Chó, Chê, Chiết,* v.v.

Chơn, Chít, Chó, Chê, Chiết, v.v... sẽ là tên các *Nòi* chó.

Hay là khi tiếng pháp có nghĩa thì mình theo nghĩa, khi không có nghĩa thì mình sẽ theo cái hình dạng đặc biệt của một *Nòi* mà đặt tên cũng được. Tỷ-dụ:

Epagneul là nòi chó ở Espagne, lông dài và tai rũ thì ta sẽ kêu là nòi chó *Ech băng*, hay nòi chó *Băng*, rút lại thành *Chăng.*

Caniche = nòi chó lông quan, rút lại thành *Choăn*

Dogue = chó mũi gẫy, rút lại thành *Chẩy*

Basset = chó chưn khoèo rút lại thành *Choèo*

Levrier = chó săn thỏ rút lại thành *Chỏ*

Chạng, Choăn, Chụt, Choèo, Chỏ, v.v. sẽ là tên những loài chó.

Có người sẽ bảo nghe mấy tiếng ấy nó ngượng tai lắm. Thưa: hễ biến được mấy tiếng ấy ra vần quốc ngữ cho người nhà quê đọc được, thì mấy tiếng ấy sẽ thành tiếng an-nam, có đủ bản năng của những tiếng an-nam. Nghe thấy nó lạ tai là vì mới nghe thấy lần đầu, nó chưa gợi cho mình một cái ý gì cả.

Cha, Chê, Chi, Chà, Chả, Chạch, Chài, Chày, Chàm, Chám Chang, Chanh, đọc luôn một tràng, lúc đầu nghe nó cũng chướng chướng, trọ trẹ vậy. Khi đã biết chúng là tên của vật này, vật kia rồi, thì chúng cũng tự nhiên hết cái vẻ vô-lý miễn-cưỡng ấy đi.

Khi chỉ một vật nào, rồi bảo đứa trẻ mới tập nói rằng cái này gọi là *Chén*, cái kia gọi là *Mũ*, cái đó gọi là *Diêm*, thì từ đó nó sẽ gọi các vật ấy là *Chén*, là *Mũ* là *Diêm.*

Nếu biểu nó mấy vật ấy kêu là *Tách*, là *Nón*, là *Quẹt* thì nó sẽ kêu chúng là *Tách, Nón, Quẹt.* Trước kia, những cái âm đó đối với nó vẫn không có nghĩa gì cả. Sau khi nó đã biết tên các vật ấy rồi, thì những cái âm ấy đối với nó mới có nghĩa. Trước khi mình lấy một cái âm để làm danh-từ thì cái âm ấy đã có nghĩa gì đâu?

2) *Loài* (Espèce). Chó là một loài vật nuôi trong nhà. Pháp gọi là Familiaris (tiếng la-tinh), Việt sẽ gọi là *Súc* lấy ở chữ nho *Lục súc* ra. Vậy chó là thuộc về *Loài Súc.*

(Xem tiếp trang 20)

ĐẠI-NAM DẬT-SỬ

Số 11

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

VIII. — Mấy ông thứ-sử đời Tấn

Khi con cháu Đào-Hoằng trả cờ tiết châu Giao cho nhà Tấn, Vương-Đôn, (tên tự là Sử trọng) là một quyền-thần nhà Tấn, sai Vương-Cơ sang làm thứ-sử châu Giao, nhưng thuộc-tướng ở châu Giao là Lương-Thạc chống cự lại: Vương Cơ phải chạy về Uất-lâm. Rồi Vương-Đôn lại cho Vương-Lượng làm thứ-sử: Lượng bị Thạc chặt cánh tay, cướp lấy cờ tiết. Thế là Lương-Thạc tự giữ lấy châu Giao; nếu chính sách hiền-lương, thì may ra dân cũng phục theo; nhưng Thạc-hung-bạo, mất lòng dân, cho nên khi vua Tấn sai Đào-Khản, là thứ-sử châu Quảng, sang đánh thì dẹp yên ngay. Truyện Đào-Khản (xem *Tấn thư, liệt truyện*, quyển 66, tờ 3a-8a) dài lắm, tôi chỉ trích những đoạn có quan-hệ đến châu Giao, đăng ở dưới này:

Vương-Cơ (tên tự là Lệnh-minh) là người Trường-sa, cha là Nghị làm thứ-sử châu Quảng, rất được lòng dân Nam-Việt, sau người châu Quảng đón Cơ làm thứ-sử. Bấy giờ dư-đảng của Thục là Đỗ-Hoằng (hoặc Hồng) đưa vàng cho Cơ, nhờ đánh Quế-lâm. Hoằng tự minh gia sức. Cơ vì Hoằng dâng thư kể rõ với triều-đình. Vương-Đôn, đoạt quyền vua nhà Tấn, cho Vương-Cơ là người khó áp-chế lại muốn mượn tay Vương-Cơ để đánh Lương-Thạc cho nên lấy công hàng được Đỗ-Hoằng, rồi Cơ làm thứ-sử châu Giao.

Lương-Thạc nghe tiếng, sai con đón Cơ ở Uất-lâm. Cơ giận là đến đón chậm, mới bảo rằng; « Đến châu đánh, cho con Thạc một trận: » Có người chạy về báo tin với Thạc. Thạc nói rằng: « Cái anh chàng họ Vương đã làm nát châu Quảng, nay có gì lại phá hại châu Giao? » mới cấm người trong châu, không cho đón vào phủ.

Chức ty-mã là Đỗ-Tán lấy cớ Thạc không đón Cơ, khởi quân đánh Thạc, bị Thạc đánh thua. Thạc sợ các kiều-nhân theo Vương Cơ, mới giết hết người lương-thiện, rồi tự nhận chức thứ-sử Giao-chỉ.

Còn Vương-Cơ đã bị Thạc chống cự, thì chạy về Uất-lâm. Lúc bấy giờ Đỗ-Hoằng đã đánh được Quế-lâm trở về, gặp Cơ ở giữa đường. Cơ khuyên Hoằng nên lấy châu Giao. Hoằng sẵn có ý ấy, mới nắm cờ tiết của Vương-Cơ nói rằng: « Nên lần-lượt mỗi người cầm một lúc, sao cứ giữ một mình? » Cơ bèn cầm cờ tiết đưa cho Hoằng. Bấy giờ Vương-Cơ cùng bọn Đỗ-Hoằng, Ôn-Thiệu, Lưu-Thẩm (*An-nam chí-nguyên*, trang 154, chép là Lưu-Trị, tú-tài Giao-châu) cùng làm phản nhà Tấn. Khi Đào-Khản (tên tự là Sĩ-hành, người Phiên-dương, làm Thái-thú Giang-hạ, xem *An-nam chí nguyên*, quyển 2, trang 154) đến châu Quảng, trước đánh Ôn-Thiệu Lưu-Thẩm, giết được, sau sai đốc hộ đánh Cơ: Cơ chạy rồi chết. Khản sai đào mả lên chém (chép trong *Khâm-định Việt sử*, quyển 3, tờ 18a-19a).

Năm Vĩnh-hưng thứ ba (tức năm 323 sau Thiên-Chúa), Vương Đôn cho Vương-Lượng làm thứ-sử châu Giao. Vương-Lượng tên tự là Ấu-thành, người Đan-dương, có tài-cán thao-lược từ thuở nhỏ.

Khi Vương-Lượng đến chào Vương-Đôn để sang châu-Giao, thì Vương-Đôn bảo Vương-Lượng rằng: « Tu-Trạm và Lương-Thạc là quốc-tặc, nhà ngươi đến nơi nên chém ngay ». Vương-Lượng đến châu Giao, thì Tu-Trạm đã lui về Cửu-Chân, thứ-sử Quảng châu sai người dỗ Trạm, bảo nên về thú với Vương-Lượng. Lượng nói: « Trạm đã theo người ta thì không cho thú nữa »; nhưng thực ra đã sai người đi bắt Trạm về.

Lúc bấy giờ Lương-Thạc cũng ở đấy, nói rằng: « Trạm là con tướng cũ ở châu, có tội thì có thể trách mắng, chứ không có thể giết được ». Vương-Lượng đáp rằng: « Đấy là ý riêng của nhà ngươi, chứ không can gì đến việc của ta ». Nói rồi, chém liền. Lương-Thạc giận, đứng dậy đi ra.

Rồi Vương-Lượng âm-mưu giết Lương-Thạc, sai thích-khách đi không được. Lương-Thạc bèn đem quân vây Vương-Lượng ở Long-biên. Đào-Khản là thứ-sử châu Quảng sai quân đến cứu, chưa tới nơi thì Vương-Lượng đã thua.

Lương-Thạc bắt ép Vương-Lượng, cướp lấy cờ tiết. Vương-Lượng cố giữ không cho. Lương-Thạc bèn chặt cánh tay hữu của Vương Lượng. Vương-Lượng chính sắc

mặt, mắng rằng : « Chết còn chẳng sợ, chặt cánh tay có sợ gì ? » Đau hơn mười ngày rồi mất. (chép trong *Tấn-thư, liệt truyện*, quyển 89, tờ 10b ; *Khâm định Việt sử*, quyển 3, tờ 19b, chép hơn một tuần).

Lương-Thạc bèn chiếm cứ châu Giao, nhưng tính người hung-bạo, mất lòng dân. Đào-Khản sai tham-quân là Cao Bảo đánh Thạc, chém được.

Vua nhà Tấn cho Đào Khản lĩnh Giao-châu thứ-sử, tiến phong chức Chinh-Nam đại-tướng-quân, cho dùng nghi-chế cũng như chức tam-ty (*Khâm-định Việt-sử* quyển 3, tờ 19b) tức tam công. Đời Đông-Hán gọi chức ty-mã, ty đồ và ty không là tam công, cũng gọi là tam-ty. Đời sau gọi ty mã là thượng-thư bộ binh, ty-đồ là thượng-thư bộ hộ, ty-không là thượng-thư bộ công (*Từ-nguyên*).

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN TỐ

Cấp học phí

(*L.T.S.* — Chúng tôi nhận được bài dưới đây của ông Nguyễn Bân muốn cấp giúp các học trò nghèo bằng việc cấp học bổng — Một nghĩa cử đáng khuyến khích. Vậy xin vui lòng lục đăng).

Muốn cấp một năm học-phí cho một sinh-viên trường Kỹ-Nghệ, một sinh-viên ban tú-tài và một sinh-viên ban Cao-đẳng Đại học. Nam hay nữ sinh, trường nào cũng được. Kén người nghèo, hiếu học, hạnh tốt, sắp thi ra.

Xin hỏi :

Nguyễn-Bân Nam-thái-Long
100 Route de Huế Hanoi

Những lời di chúc...

(*Tiếp theo trang 13*)

Ông mất ngày 29 tháng 6 năm bính ngọ (1786). Sau vua Chiêu-Thống truy tặng ông chức thượng thư và giết Nguyễn Trang xẻ xác tế ở trước mộ Trịnh Khải.

Vua Quang Trung

Vua Quang Trung (1788-1792) trong khi bệnh tình trầm trọng cho vời bọn Nguyễn Quang Diệu, trấn-thủ Nghệ an, về triều. Ngài giối lại rằng : « Ta khai-thác bờ cõi đất đai được có cả nước Nam này.

« Nay đau ốm, chắc không sao qua khỏi được. Thái tử (Quang Toản) tư chất hơi cao, nhưng tuổi hãy còn nhỏ. Ngoài có quân Gia định là quốc thù. (Bấy giờ Nguyễn Ánh đã lấy được Gia định Bình thuận, Bình khang và Diên-khánh, thanh thế đã mạnh). Vua Thái đức (anh vua Quang Trung) đã già rồi, chỉ cần yên vui sung sướng cách tạm bợ, chứ không biết lo về sau. Khi ta mất rồi nội trong một tháng phải liệu chôn cất, việc tang thì làm đơn sơ dản tiện. Các ngươi nên hiệp sức giúp Thái tử, mau mau thiên đô về Nghệ an để khống chế thiên hạ. Nếu không thì quân Gia định kéo đến các người sẽ không có đất để chôn đâu. »

Đến ngày 29 tháng 9 năm nhâm tí (1792) ngài thăng hà.

Khi được tin vua Quang Trung mất, vua Thanh Cao Tông sai sứ đem phúng một pho tượng phật, 3000 lạng bạc và kèm theo một bài lũy thi do chính mình làm lấy :

Ngoại bang lệ dĩ kiến bồi thần,
Triền cận tòng vô chi kỷ thân.
Nạp khoản tối gia lai ngọc khuyết,
Hoài nghi kham tiếu đại Kim nhân !
Thu trung thượng tức y quan tục,
Tất hạ hồn như phụ tử thân.
Thất tự bất năng bài ai thuật,
Liên kỳ trung khổn xuất trung chân

(Đại nam chính biên liệt truyện sơ tập quyển 30 tờ 42a 43

Nghĩa là :

Theo lệ xưa nay, nước ngoài vẫn chỉ sai bồi thần sang cống, chứ chưa hề thấy quốc vương thân sang chiều cận bao giờ. Rất khen việc đến cửa ngọc khuyết mà nộp cống khoản ấy. Thật đáng cười sự ngờ nhau mà phải lấy người vàng để thay thế. Còn nhớ mùa thu xưa buổi triều cận của quốc vương hãy còn rạng vẻ áo xiêm chỉnh túc ; lễ bão tất bấy giờ có vẻ thân mật như tình cha con. Nay thấy bấy chữ trong bài cáo phó ta không sao cầm được nỗi đau buồn. Lại thương tâm lắng rời trung thành ra từ tấm lòng chân thật. (1)

PHẠM MẠNH PHAN

---

1) Viết theo tài liệu của bạn Hoa Bằng

2) Các sách báo tham khảo :

Chateaubriand : Mémoires d'Outre Tombe

Octave Aubry : Mon pèlerinage à Sainte Hélène (Conférencia 1931)

Louis Plandrin : Voltaire

Crouzet : Histoire illustrée de la Littérature française

Nguyễn Giang : Đinh văn Ái Mỹ

Nguyễn văn Tố : Tri Tân 64 v 75

Phan kế Bính : Nam hải dị nhân

Trúc Khê : Nguyễn Trãi

Cao bá Quát

Đại Việt tạp chí số 4 và 14 (1943)

Trịnh như Tấu : Tri hành phi lý phả

MỘT BUỔI ĐI THĂM LÀNG DỪA

THI-NHAM

Hôm nghỉ lễ rằm tháng bảy vừa rồi, tôi đã có dịp đi thăm làng Dừa với cả một tấm lòng ao ước.

Dưới tiết đầu thu, buổi bình-minh khí giời êm ả, gió hiu hiu thổi, tôi cùng ông bạn Đ.-h.-K. đáp xe tay theo con đường Vạn-phúc, qua các làng Ngọc-trục, Đại-mỗ, La-dương, Ngải-cầu đến Thanh-quang 10 cây số, rẽ lên đê sông Đáy, qua các điểm Thượng-ốc — thuộc phủ Hoài-đức — Phương bảng, Phương-viên, Đắc-sở đến Yên-sở — thuộc huyện Đan-phượng — 11 cây số. Thế là chúng tôi đã vượt một con đường 21 cây số để đến thăm làng Dừa!

Làng Dừa tức làng Yên-sở, tục gọi làng Giá, người Tây gọi là village cocotier, vì làng này khác hẳn các làng trung-châu xứ Bắc-kỳ, không phải một làng trong lúc tre xanh, mà là một làng trong những giạng dừa.

Muốn biết qua nội dung làng Dừa, chúng tôi xuống đê qua một cái cổng gạch phía Nội-đê để vào làng. Đường trong làng đều vỉa gạch, mặt đường rộng độ 2m, hai bên đường mọc thang-giang những cây dừa cao vót và thẳng tắp, trông như những cây đèn bông người ta dựng ở hai bên đường lối vào một nơi nhà thờ nào trong những ngày lễ trọng. Chúng tôi đi quanh xóm nọ qua xóm kia, vừa đi vừa ngắm, thì chẳng những dừa mọc ở bên đường, mà bờ ao cũng có dừa, trong vườn cũng có dừa, sau nhà trước cổng cũng có dừa, những dừa là dừa. Vào làng Dừa, chúng tôi có cảm-tưởng như ngư-phủ lạc vào Đào-nguyên, thấy những đào là đào vậy.

Theo nhời một ông lão trong quán nước trên đê, thì làng Yên-sở không phải nhà nào cũng có dừa, nhưng phần nhiều nhà trồng dừa, nhà nhiều có đến trăm cây, nhà ít cũng được rằm ba cây. Dừa rất dễ trồng, người ta trồng bằng quả, không phải vun bón gì, chỉ trong 7 năm đã có quả. Mỗi năm có ba vụ dừa: một vụ nở vào khoảng tháng 8 tháng 9, đến tháng chạp tháng giêng được trầy đó là vụ « dừa hoa »: quả lép, chỉ dùng để ăn trầu hay bầy ngũ quả chơi tết. Một vụ nở vào khoảng tháng giêng tháng 2, đến tháng 4 tháng 5 được trầy, đó là vụ « dừa nước »: cùi non và mỏng, chỉ dùng để lấy nước giải khát trong mùa hè. Còn một vụ nở vào khoảng tháng 5 tháng 6 đến tháng 8 tháng 9 được trầy, đó là vụ « dừa cùi »: vụ này mới là vụ chính dùng để ăn cùi. Dừa cùi của làng này quen gọi là « dừa Giá », tuy không được dày cùi bằng « dừa Thanh », nhưng mỗi năm kể cả ba vụ, mỗi cây cũng bán được từ 5 đến 10$ là theo giá mấy năm trước; hiện thời thì gấp bội. Những nhà có dừa, họ cứ để ở cây, rồi đã có các lái buôn về mặc-cả mua cả cây mà trầy lấy, phần nhiều là người Hà nội về mua.

Nghe ông lão thuật chuyện, tôi làm cái tính nhẩm: Số dừa làng này tuy không đếm được là bao nhiêu, nhưng có thể ước chừng vào độ một vạn cây, theo giá hiện thời hơn bù kém mỗi cây 15$00 thì làng này mỗi năm sẽ có món tiền lợi dừa là 15 vạn đồng. 15 vạn đồng, tưởng không phải một món tiền nhỏ vậy.

Làng này còn có nghề trồng dâu, nuôi tằm, kéo tơ. Giữa làng có một cái chợ gọi là « chợ Lụa », cứ ngày 3 ngày 8 phiên chợ, khách hàng ở Hà-nội, Hà đông về mua tơ lụa. Đó tức là « tơ Giá », một thứ tơ tằm bản-xứ có tiếng trong trường công nghệ Hà-đông.

***

Xem xong làng Dừa, chúng tôi sang thăm đình Yên-sở tục gọi « đình Giá », là một ngôi đình tối cổ, do trường Viễn-đông Bác-cổ trông coi theo nghị định quan Toàn-quyền Đông-dương ngày 16 Mai 1925.

Đình ở phía ngoài đê, dựng trên một khu đất có mười cây rậm rạp như một cái rừng con bao bọc chung quanh, rộng ước 50 mẫu ruộng. Đình làm lối « nội công ngoại quốc », có ba toà: đình trong đình giữa và đình ngoài liền theo thứ-tự. Toà trong 3 gian, còn 2 toà đều 5 gian. Chỗ mái ngói toà giữa và toà ngoài giáp nhau, có một cái máng hứng nước bằng đồng đen, dài 20m. chảy xuốt 5 gian đình. Hai bên lại có hai cái tiểu-đình, bên tả là nhà bia, có 6 tấm bia, cái lâu nhất từ đời Cảnh-trị nhà Lê (1663-1671); bên hữu là nhà ngựa, một con ngựa thờ sơn phấn trắng, chân cao 1m50, cổ cao 0m80, thân dài 2m. Cứ nhời ông

thủ-từ nói với chúng tôi, thì ngựa ấy cũng bằng đồng đen, có đồng thời với cái máng, là hai thứ bảo-vật quí nhất, chưa đình chùa nào có. Chúng tôi ngắm kỹ chỗ lỗ thủng ở khấu đuôi con ngựa là chỗ không quang phấn, thấy đen đen và dày-dặn, rõ là một thứ kim khí, cùng một sắc với cái máng, có thể tin là đồng đen được. Chỉ đáng tiếc rằng ông thủ-từ cũng không rõ hai thứ bảo-vật ấy có từ đâu, từ bao giờ.

Từ hãi cái nhà bia và nhà ngựa chạy thẳng ra đằng trước : hai bên có hai dãy hành-lang, mỗi dãy 11 gian. Ông thủ từ cho chúng tôi biết đó là nơi ăn họp của dân làng trong những ngày đại lệ : một bên của quan viên làng, còn một bên để tiếp quan viên làng Đắc-sở, một làng bên cạnh, cùng thờ chung Thành-hoàng và giao-hiếu với làng này.

(*Còn nữa*)

THI-NHAM

Ai muốn rõ cuộc điều đình gay go của đoàn sứ giả Việt nam với nước Tàu xin đọc :

Quan Thám kéo vó

của NG.-TƯỜNG-PHƯỢNG

Giá : 0$35

có bán ở khắp hiệu sách ba kỳ

Hộp thư. — *Văn Hoá — Huế — Q T K V có ba tuần thôi vì gửi khó khăn xin lỗi — Tỷ xuất bản T. T.*

Những ông nghè triều Lê

(*Tiếp theo trang 7*)

quyền 1, tờ 35 b ; *Lịch-triều hiến-chương*, nhân-vật chí).

12. — Nguyễn-tuyên-Cần, người làng Uông-hạ, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Năm 27 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức Hình-bộ hữu-thị-lang. Trong đời Hồng-thuận (khoảng năm 1513), ông không chịu theo họ Mạc, chết vì tiết-nghĩa, thọ 53 tuổi, truy tặng thượng-thư, tước Thận-lộc-hầu *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 58 b ; *Lịch triều hiến-chương*, nhân-vật chí). *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 35 b) chép ông thọ 83 tuổi, có lẽ nhầm : cứ như hai quyển « Đang khoa » chép ông đỗ năm 27 tuổi là năm 1487 (lúc là ông sinh năm 1461) mà đến đời Hồng-thuận (1509 1516) ông chết về việc nghĩa, thì ông chỉ ngoài 50 tuổi chứ chưa đến 80. Ông là anh ông Nguyễn-đức-Khâm, đỗ nhị-giáp năm 1502 : anh em đều đỗ đại-khoa.

13. — Phạm-Yên người làng Kim-lan, huyện Cẩm-giàng, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Năm 27 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức Đông-các đại-học-sĩ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 35 b ; *Đang khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 29 b).

14. — Nguyễn-tuân-Đạo (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 36 a, chép là Đạo-Tuân ; chính bia Văn-miếu khắc là Tuân-Đạo), người làng Hộ-xá, huyện Chí linh, phủ Nam-sách, trấn Hải dương. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487 Đổi sang chức quan võ, làm đến tổng binh sứ. *Đang khoa lục* chép là ông nội Nguyễn-lượng ký, đỗ tam-giáp khoa 1538, nhưng xem đến chỗ chép Lương-Ký (quyển 2, tờ 29 a) thì lại chua là cháu nội Nguyễn-tử-Loa ; xem đến chỗ chép Nguyễn-tử-Loa (quyển 1, tờ 28 b), đỗ năm 1482, thì không chua gì cả ; chỉ có *Đăng khoa bị khảo* (quyển Hải dương, tờ 78 a) chép Tử-Loa là ông nội Lương-Ký.

(*còn nữa*)

Cung-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Kịch « KỊNH KHA »

(*Tiếp theo trang 6*)

cố gắng bài trí giản cảnh mà cái tinh thần của câu chuyện không giải bày ra được hết.

Tác-giả vở kịch ấy không nhận thấy cái tinh thần cao thượng của thời đại Chiến-quốc, thời đại đặc biệt ở nước Tàu, vì lúc ấy Khổng giáo chưa được thịnh hành, cách hành-vi của người còn phát triển ra với cả tâm-hồn của cá tính.

Ba cảnh trên sân khấu hôm ấy, cùng các vai sắm tuy da dụng công rất nhiều, nhưng chưa được hoàn toàn. Tôi chỉ nói cái tinh thần câu chuyện không một phút nào làm cho khán giả hồi hộp.

Đan cử một việc ở cảnh ba có nhiều người hồi-hộp cho Kinh Kha lúc bị quan nhà Tần khám mà không hồi-hộp cho vua Tần lúc Kinh Kha cầm bức tranh bước lên điện.

Dù sao tôi cũng hi-vọng ở ban kịch Thế Lữ nhiều vì ban này đã trội hơn các ban kịch từ trước đến nay. Ước mong các nhà cầm đầu ban ấy sẽ gắng sức, tận tâm với nghệ-thuật, lưu tâm đến tinh-thần các vở đem diễn thời sẽ giúp ích không những cho lối kịch xứ này mà cả đến luân-lý của quần chúng nữa

CAO CƯƠNG

Việt nam khoa học ngữ...
(Tiếp theo trang 15)

3) *Giống* (Genre). Người Pháp lấy tiếng la-tinh Canis đặt tên giống (nom de genre) cho Chó; người Nam sẽ lấy chữ nho *Khuyển* mà đặt vào.

4) *Họ* (Famille). Tên họ của chó trong tiếng Pháp là Canidé; tên họ của chó trong tiếng Nam sẽ là *Chó-má*, *Chó-chồn*, hay *Khuyển-cẩu* theo phép đặt danh từ của ta, lấy hai tiếng hợp nghĩa dùng làm tiêu biểu, ghép lại thành một danh từ rộng nghĩa, như *Trâu bò*, *Gà vịt*, *Chim muông*. Hay theo lối tách một tiếng ra thành hai, như Đồ-đạc *Gà-quê*, *Đất đai*.

5) *Thứ* (Ordre). Chó thuộc về *Thứ* vật biết ăn thịt, tiếng pháp là Carnivore. Tiếng nam không có, phải đặt ra. Mình sẽ nói lái Biết thịt là *Thịt biệt*. Tên thứ của chó trong chuyên-môn ngữ sẽ là *Thịt* chẳng hạn. Carnassier trong tiếng pháp dùng để chỉ các thứ vật ăn thịt sống. Mình sẽ nói rút lại Thịt-sống là *Thống* chẳng hạn. *Thịt* và *Thống* sẽ là hai danh-từ chỉ về *Thứ*. (Ordre). Chó là thuộc về *Thứ Thịt*.

6) *Hạng* (Classe) Chó thuộc về *Hạng* có vú, tiếng pháp là Mammifère. Việt-nam thường ngữ không có chữ tương đương, phải đặt một chữ chuyên môn ra mà dùng. Có vú, lái lại là Cú vó, lấy tiếng *Vó*. Chó là ở hạng *Vó*.

7) *Ngành* (Embranchement). Chó thuộc về *Ngành* có xương-sống (Vertébré). Xương-sống lái lại là Xống-sương, lấy tiếng *Xống*. Chó là thuộc về hạng *Xống*.

Vậy con chó của ông là thuộc về loài *Chơn*, *Chít*, *Chỗ*, *Chê*, *Chiết*, hay *Chăng*, *Choăn*, *Chụt* *Chèo*, *Chỏ*; thuộc về loài *Sức*, giống *Khuyển*, họ *Chó-chồn* hay *Khuyển-cẩu*, thứ *Thịt*, hạng *Vó*, ngành *Xống*.

Tỷ như mình mới tìm thấy một con vật, mình phải quan xát xem nó vào *Ngành*, *Hạng* *Thứ* và *Loài* nào; lại phải đặt tên *Họ*, tên *Giống*, tên *Nòi* cho nó.

Tên nòi sẽ dựa vào tiếng pháp mà phiên-âm ra, hoặc dựa vào tên đất (chỗ tìm thấy con vật), hoặc dựa vào một cái đặc tánh về hình dáng của con vật mà đặt. Đó là cái tên riêng biệt của mỗi một nòi trong một giống.

Tên giống — Nếu con vật mới thấy nó giống con Chuồn-chuồn, hay con Ba-ba, thì nó thuộc về *giống Chuồn chuồn*, hay *giống Ba-ba*. Nếu nó không giống một con vật nào đã có tên rồi, thì dựa theo tiếng kêu, hay cách cử động của nó mà đặt. Mỗi tên sẽ có hai âm đồng vần mà khác giọng.

Tên họ — Sẽ đặt bằng cách ghép hai tên giống lại; hay bằng cách lấy một tên giống đệm thêm một vần phụ không có nghĩa. Mỗi tên sẽ có hai tiếng khác vần.

Những danh từ chỉ các *Thứ*, các *Hạng*, các *Ngành*, sẽ dùng lối dịch nghĩa tiếng chuyên-môn của pháp, rồi rút lại một đoạn thành một chữ theo lối nói lái (contraction) hay lấy lối lái (métathèse).

Cứ theo thế mà đặt tên, thì trong Động vật học của người Pháp có một đẳng cấp danh từ nào mình cũng sẽ có một đẳng cấp danh từ tương đương như thế.

Về Thực vật học cách đặt các đẳng cấp danh-từ cũng phải làm như vậy.

Về Khoáng vật học, tên riêng của mỗi thứ đã có sẵn trong thường ngữ. Cứ dùng những tên ấy mới tiện, không cần phải theo tên khoa-học của chúng, mới đặt ra cho môn Hóa-học. Còn những đẳng cấp danh từ có nghĩa rộng, nếu mình chưa có mình sẽ dùng lối dịch nghĩa tiếng pháp rồi rút lại mỗi đoạn thành một tiếng để dùng.

Về Vạn vật học (Động vật, Thực vật và Khoáng vật), ngoài những đẳng cấp danh từ, những tiếng chuyên môn khác mình đã sẵn có ở trong thường ngữ rồi. Nếu có thiếu một chữ chuyên môn nào mình sẽ dùng lối dịch nghĩa rồi rút lại thành một tiếng mà đặt ra.

Những tiểu-tiết riêng để viết Vạn vật học bằng tiếng ta chỉ có thế thôi.

***

Đến đây, sau khi đã xem cho biết muốn viết Hóa học, Hình học, Vạn vật học bằng tiếng ta, phải làm như thế nào, chắc độc-giả đã nghiệm thấy rằng cái phương-pháp tôi chỉ ra ở bài *Adaptation* đăng trong báo *Annam Nouveau*, không phải là cái phương pháp riêng cho môn Hóa học, mà là cái phương-pháp chung cho cả các khoa.

Không theo cái phương pháp ấy thì không viết khoa-học bằng tiếng ta được. Cái phương pháp ấy là cái phương pháp rất khoa học, tìm ra bằng cách khảo cứu kỹ-càng về khoa học ngữ và về Việt nam ngữ, nghĩa là có dựa vào Ngữ-tự học mà đẩy ra. Không phải một cách viết khoa học không có phương-pháp nào như người ta có thể hiểu lầm.

Xét ra thì văn khoa-học cần phải có chữ chuyên-môn, dùng tiếng nước nào mà viết cũng phải như người Pháp, người Âu phải làm như thế, phải đặt ra những chữ chuyên môn; người Tầu, người Nhật muốn viết khoa học bằng tiếng tầu, tiếng nhật cũng phải tìm lấy cách đặt chữ chuyên môn, thì người Việt nam muốn viết khoa học bằng tiếng việt cũng không thể làm khác được.

Cái phương-pháp đó là cái phương-pháp chung cho cả các nước có khoa-học rồi hay chưa có khoa học mà muốn viết khoa học bằng tiếng mẹ đẻ. Viết bằng tiếng nước nào cũng phải tùy theo các bản năng cùng những luật biến cải tự nhiên về âm-hưởng của tiếng nước ấy để tìm cách đặt ra những tiếng mới tinh tạo dùng làm chữ chuyên-môn.

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

(Bài sau nói về *trình độ cao thấp của các khoa học hiện thời*, của khoa Động vật học).

Họ vua nhà Nguyễn

— Con vua đặt tên Đôi, kèm theo hai chữ *Công-chúa*.

— Con các hoàng-tử gọi là *Công-nữ thị*...

— Cháu các hoàng tử gọi là *Công-tôn-nữ thị*..., công *huyền-tôn-nữ thị*..., vân vân...

Về các họ tôn-thất, thì đến bà chỉ dùng ba chữ Tôn-nữ thị... mà thôi.

Có hiểu được những điều sơ lược ấy mới có thể biết cái dây thân-thuộc rằng buộc những người trong hoàng tộc như thế nào, và khi tới Huế, mình sẽ không bỡ-ngỡ vì tên họ những người mình gặp.

TỬ-NGỌC

1) Nhà vua có những 142 người con 78 con trai, 64 con gái.

Mấy nhà báo tiền-khu

(Tiếp theo trang 3)

« Hội Truyền-bá học Quốc-ngữ thành lập từ ngày 29-7-1938, mục-đích của Hội là dạy cho người Nam biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ theo đúng phương-pháp hoàn-hảo, hấp thụ những điều thường thức cần dùng cho đời sống. Hội có ban Giáo-khoa để săn-sóc về việc dạy học, ban Tu-thư để soạn sách, ban Cổ động để mời hội viên và ban Khánh-tiết để trù liệu tài chính. Hội có trách nhiệm đi mở trường học, bày cuộc nói chuyện và mở nhiều thư-viện. Hiện nay hội có 26 trường học ở Yên-Thái, Ngũ-Đô, Đào-thành, Đỗ-hữu-Vị, Đại-La, Quang-trung, Jean Dupuis, Nordemann, Trí-tri, Triton, Gia-long, Đông-dương, Việt nam, Trịnh-Kiểm, Tế sinh, Dạ-lữ-viện, Công-ích, Nam-thanh, Quỳnh-lôi, Tương mai, Phương liệt, Thái-hà, Khương thượng, Hoàng-mai, Ngã-tư-sở và Gia-lâm, đã dạy được 25 000 người biết đọc biết viết để tránh khỏi cái nạn mù chữ. Hội đã dựng được tỉnh chi ở Hải-phòng, dạy hơn 3 000 học trò và đang tiến-hành việc mở tỉnh chi ở Bắc ninh, Bắc-giang, v. v. »

***

Lai-lịch việc truyền bá quốc ngữ từ xưa tới nay đại khái là thế.

Một khi chữ quốc-ngữ được phổ-cập khắp nơi ngõ hẻm hang cùng, ai nấy đều sẵn trong tay một thứ lợi khí ấy để bước lên trình-độ giáo-dục phổ thông, thì đại chúng mới mong nhìn thấy ánh sáng văn-minh được.

Từ sau bài cổ động học quốc ngữ của báo *Đại Nam đồng văn* đến nay đã ngót nửa thế kỷ, thế mà chúng ta hãy còn ở trong thời kỳ « phải truyền-bá ». Càng chậm bao nhiêu, chúng ta tại càng phải gắng sức bấy nhiêu.

HOA-BẰNG

(1) Sang ta hồi năm 1621, nhưng còn ở trong Trung kỳ đến năm 1766 mới ra ngoài Bắc.

(2) Chỉ ông Trương Vĩnh Ký

(3) Tiếng phổ thông ở đương thời là kêu chữ nho là chữ ta

(4) Tôn Thọ Tường.

(5) Những tiếng voyelles

(6) Những tiếng consonnes

(7) Những công chức được thuyên bổ hoặc thiên chuyển.

(8) Việc mấy tiếng cũ của Đỗ Thám ra hàng chính-phủ Pháp.

NHÀ XUẤT BẢN

HAO - QUANG

Trụ sở 62 Bonard Saigon

Giám đốc : ĐỖ NGỌC QUANG

15 Octobre 1943 sẽ phát hành

NHA. NHO

tiểu thuyết của CHU THIÊN

Một thế hệ !
Một nhân vật !
và cả một linh hồn !

Giá : 4$50

Tổng phát hành

HÀN - THUYÊN
71 Tiên tsin Hanoi

TRI-TÂN

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHẤU CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 6

CHÚ-THIÊN

Vân-côi tươi cười nhìn Hòa Đao với một vẻ trân trọng thán phục lòng hăng hái thẳng-thắn ở chàng, rồi vẫn đều-đều tiếp :

— Tiểu tướng lại còn phân-vân không biết ngộ trong cái vẻ bồng-bột ấy, người ta có giấu giếm một mưu sâu gì chăng ?

Đoàn Đông hải liền hỏi.

Vậy ý nghĩa sĩ định sao ?

— Tâu đại-vương, họ đã biểu lộ rõ hoan hỉ như vậy, tiểu-tướng thiết nghĩ, ta cũng làm thinh như không biết, cứ viết thư hẹn ngày đánh họ Trần, xem họ giả nhời lại thế nào, tức là lộ ngay chân tướng ra đấy.

Vân Côi vừa nói xong, thì công-tử Thịnh-Nguyên đứng dậy xin phép nói. Đoàn Đông-hải vương mỉm cười, gật bảo.

Công tử đồng ý với nghĩa-sĩ ?

— Dạ, tâu đại-vương, không ạ ? Tiểu tướng thiết nghĩ như thế không được. Mặc người ta gian-giảo thế nào đi nữa, ta cứ thực thà mà đối lại họ. Ta đã không ưa cái hành vi úp mở của họ, thì ta cứ thực-thà gửi lời trách họ xem họ có còn vớt vát giữ được cái lòng trung nghĩa đối với tôn miếu nhà Lý và thiên hạ hay không ?

Đông hải vương hỏi :

— Như vậy công tử cùng một ý nghĩ với công tử Hòa-Đao ?

— Tâu đại vương, vâng ạ !

Đông-hải vương cười :

— Nhưng hai đằng lý khác nhau về tiểu tiết mà đại-ý vẫn là một. Đằng nào cũng muốn xem vua tôi miền Bắc tỏ thái-độ đối với ta thế nào cả. Tuy nhiên, Thánh nhân trọng thi hành, ta cũng nên theo gương, lấy lòng chí thành mà đối xử với Đại thắng vương. Như vậy, thì theo ý kiến của hai công tử Hòa-Đao và Thịnh-Nguyên vẫn hơn. Tất cả các anh em đây nghĩ thế nào ?

Cả bọn cùng suy-nghĩ một lúc, rồi cùng đáp :

— Tâu đại vương, lũ tiểu tướng xin tuân ý đại-vương liệu như hai công-tử vừa bàn trước.

— Tức là viết thư thông trách ?

— Dạ, vâng, viết thư thông trách và đồng thời hỏi xem có càng nhau đánh họ Trần nữa không ?

Đông hải vương lại quay hỏi nghĩa-sĩ Vân Côi :

— Nghĩa-sĩ cũng cùng một ý vậy ?

Vân-Côi đứng lên thưa :

— Tâu đại-vương, tiểu-tướng trộm nghĩ đã thông trách thì thôi đừng hẹn đánh họ Trần nữa, mà đã hẹn cùng đánh họ Trần thì thôi không nên thông trách. Bởi vì đằng nào thì cũng kết quả như nhau cả. Mà trong hai đằng tiểu-tướng cũng xin lạm cùng ý với anh em, tuân theo đại-vương thông trách là hơn.

Một người phụ-hoạ vào :

— Bẩm, trên có đại-vương và đông đủ các anh em đồng chí, nghĩa-sĩ đây bàn rất phải, thông trách nguyên thôi vẫn cao kiến hơn...

Đoàn Đông hải đại vương vui vẻ và nghiêm trang lên tiếng như truyền lệnh.

— Các anh em đã cùng một ý cả, vậy bây giờ ta bàn đến việc viết thư. Bức thư thông trách đại ý phải thế nào và lời lẽ cần giận dữ hay hòa-nhã ?

Mấy người đều nói :

— Dạ, bẩm điều đó xin tùy đại-vương quyết định.

Đông-hải vương nói :

— Hợp chúng trí dĩ thành đại sự có góp ý kiến nhau mới làm được việc lớn chứ. Vậy anh em cứ thêm nhiều ý kiến vào, tôi xin công bằng mà lựa chọn

Một người đứng lên xin nói. Vương vui vẻ khen :

— Tốt, xin tráng sĩ cứ nói :

Người ấy lễ phép nói nho nhỏ đủ nghe :

— Tâu đại vương, tiểu tướng trộm nghĩ, đã là thư thông trách thì lời nên nghiêm trang đĩnh đạc và tỏ vẻ giận dữ khinh-bỉ...

— Như thế, tráng sĩ cho có lợi gì không ?

— Dạ, bẩm đại-vương làm như vậy, tỏ ra ta không cần gì họ, khinh bỉ họ, để cho họ hoảng sợ mà... mà phải nói rõ chân tình.

Đông-hải vương cười :

— Chưa chắc ! Anh em có ai nghĩ khác ?

Một vị nữa đứng lên thưa :

— Tâu đại-vương, đành rằng là một bức thư thông trách, nhưng đây đối với Đại-thắng vương, ta đã mất cả về thân mật ngày xưa, hai bên giao-thiệp với nhau chỉ còn là nghi-lễ thông hiếu, thì ta cũng nên dùng lời văn dịu-dàng và đanh thép thì hơn.

Thấy vương còn ngồi im, nghĩa-sĩ Vân Côi liền đứng dậy nói :

— Tâu đại vương, tráng-sĩ Hoài-Nam bàn rất phải. Trong thư giao hiếu, dùng lời lễ tiết tốn mà đanh thép, mới hợp lẽ.

Đông-hải vương gật đầu lia lịa, tỏ vẻ ưng thuận, nói tiếp :

— Vâng, tôi cũng nhận như vậy. Ta tỏ vẻ giận dữ khinh bỉ, chưa chắc đã làm cho họ biết lòng ngay thẳng

cao quý của mình mà lại làm cho họ tức giận. Cả giận mất khôn, họ phải khăng lên cự tuyệt mà chống lại mình, có phải dại không ? Các anh em suy nghĩ kỹ xem có phải ?

Đông-hải hỏi thế và nhìn thẳng vào công-tử Hòa-Đao và Thịnh-Nguyên. Hai chàng liền hớn hở cùng thưa :

— Tân đại vương nghĩ thế chi phải. Khiêu khích chỉ tổ hại mà không có lợi, chi bằng ta cứ mềm dẻo mà kỳ trung ý nghĩa vẫn cứng cỏi, để cho họ, vì dù thực có lỗi, còn biết đường mà hối cải. Giả dụ họ có một mục-đích cao mà mình chưa xét thấu được họ cũng được dễ dãi mà lộ bầy cùng ta.

Người trước tiên chủ trương lời thư phải tỏ ra sỉ nhục khinh bỉ, vẫn còn chưa chịu, đứng lên hỏi :

— Xin phép đại vương tiền tướng hỏi : giả dù họ có lỗi mà không hối cải, hoặc không chịu tỏ bầy cùng ta thì các anh em bảo sao ?

Đoàn vương liền đáp, đỡ mọi người :

— Đã đến thế thì cũng đành thôi chứ sao. Ta tin ở một mình ta mà theo đuổi lấy việc nghĩa, còn thua được là mạnh giỏi. Vận giời dù đổi. Nhưng lòng ta thủy chung vẫn vậy. Chứ bôn ba sự lợi mà cầu yên thân ta thật quyết không khi nào chịu hạ mình làm liều.

Ngừng một lúc, ngài nhìn hết lượt mọi người và hỏi tiếp :

— Các anh em còn ai nghĩ rộng nữa xin cứ nói rõ.

Mọi người đều đồng thanh đáp :

— Tâu đại vương, lũ tiền-tướng xin càng lòng hết sức tuân theo ý nghĩ của đại-vương.

Vương cười hỏi :

— Tức là dùng lời thư mềm dẻo mà cứng cỏi sang hỏi Đại-thắng vương ? Đã vậy, anh em phải nói cớ làm sao các anh em lại nhất luật tin theo như vậy ?

— Tâu đại vương, một vài anh em tiền-tướng đã tỏ qua ý kiến riêng vừa rồi, nghĩa là làm như vậy, ta được nhiều lợi, vẫn giữ được ý chí cao quý độc lập của ta mà không ép bức gì người ta phải cưỡng ý theo mình. Lúc nào ta cũng tỏ được là những tay trọng nghĩa và tin tài.

— Vậy thế là xong giờ ta viết thư, anh em định cử ai thảo ?

(Còn nữa)

CHU THIÊN

Đã có bán :

NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

512 trang — In đẹp

Bản thường : 5$00

Bản Gió Vân (hết)

Bản Impérial Đại La : 20$00

(còn một số ít)

Anh Hoa

69 hàng Than Hanoi

Giới thiệu

Trương-vĩnh-Ký của Lê - Thanh

(Tân-Dân xuất bản, giá 0,90)

Đó là một tập biên khảo đăng lọn trong *Phổ thông chuyên san* số 3

Tác giả đã dụng công nhặt nhiều tài liệu ở trong 30 cuốn vừa sách và báo xuất bản từ trước tới nay nói về bực tiên hiền đó

Hơn nữa, tác giả đã tới tận quê hương cụ Trương-vĩnh-Ký, thăm vấn các con cháu cụ, xem cảnh cũ, thư và nhặt được nhiều tài liệu mà từ trước chưa ai nói tới

Cuộc phỏng vấn các nhà văn của Lê-Thanh

(Đời Mới xuất bản giá 2,80)

Trong cuốn này bạn Thanh đã tốn nhiều công phu tới thăm các ông Trần-trọng-Kim, Nguyễn-văn-Tố, Nguyễn-đôn-Phục, Ngô-văn Triện, Hoàng-ngọc Phách, Vũ-đình Long, Tú-Mỡ và Đào-duy Anh

Bạn đã nhặt được nhiều tài liệu quý về các nhà văn kể trên.

Chúng tôi tin rằng cuốn sách của bạn sẽ giúp ích, nhiều cho những ai muốn khảo cứu để viết cuốn Việt-nam văn học sử.

Xin vui lòng giới thiệu hai cuốn sách trên của bạn Lê-Thanh với các bạn tri thức của Tri-Tân.

MẠNH PHÁN

Sách mới

HỌC THUYẾT FREUD

Một học thuyết đã làm chấn động hoàn cầu lần đầu tiên được diễn ra quốc văn do ông TỐ KIỀU PHƯƠNG. — **Giá 2$50**

Đã có bán

Triết lý về Vũ-trụ và Nhân-sinh

của PHAN MẬT · **Giá 2$80**

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT**

29 — Lamblot. Hanoi

Sắp có bán

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN ĐÌNH THI

Một cuốn triết học nhận mình thật dễ hiểu nhưng không lắm thường. Một cuốn triết học sử phác được rõ ràng cuộc tiến hóa của nền triết học phương Tây. Một cuộc phân tích cặn kẽ, những khuynh hướng và những kết quả mới mẻ nhất của triết học, khoa học hiện đại. Một tác phẩm đặc biệt trong tủ sách triết học **TÂN VIỆT**

Những sách của thư xã
ALEXANDRE DE RHODES
ĐÃ XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU, *tome II (trọn bộ)*
cả bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
470 trang 17 X 24 tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
bản thường 3$00 — bản Vergé bouffant 8$50

CHINH-PHỤ NGÂM
cả bản dịch Pháp - văn của BÙI-VĂN LĂNG
140 trang 17 X 24 — tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
bản thường 1$50 — bản Đại La Impérial 5$00

SẮP XUẤT BẢN

TRUYỆN TRẺ-EM *của* **PERRAULT**
(Contes de Perrault)
Pháp văn và Việt văn đối-chiếu—Một giai phẩm về nghề in toàn tranh ảnh và bìa 4 màu
của MANH QUỲNH
150 trang khổ album 22 X 32 gồm có 8 truyện rất lý thú, đã làm vui các trẻ em thế giới từ 300 năm nay
bản thường 2$50 bản giấy Đại La 12$00
(cước phí như Chinh phụ ngâm)

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong khó sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN
của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiến-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-văn-Thành
16, Phố Lê Lợi — HANOI
51, Doumer — HAIPHONG

Muốn hiểu triết-học
Muốn hiểu các thuyết triết học đông, tây
Muốn trở nên triết sĩ
CÁC BẠN HÃY ĐỌC

TRIẾT-HỌC ĐẠI-CƯƠNG

— Quốc Học Thư-Xã
xuất-bản và phát hành

Giá mỗi cuốn	3$00
bản giấy vergé crème	10$00
bản giấy lệnh-chỉ	5$00

cước 1 cuốn 0$60 mua sách xin trả tiền trước để

M. LÊ VĂN HÒE
16 bis TienTsin Hanoi

Sắp ra

KHỔNG TỬ HỌC-THUYẾT
Một bộ sách khác hẳn các sách nói về Khổng Giáo từ xưa tới nay, tựa của cụ Lại Bằng PHẠM QUỲNH

30 Oct. 1943 đã phát hành

HAN THUYÊN

NGÕ HẺM
tiểu thuyết phóng sự
của NGUYỄN ĐÌNH LẠP

Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »

ĐÃ CÓ BÁN

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?
của NGHIỆM-TƯ 2$50

SẮP PHÁT HÀNH

LUÂN LÝ THỰC NGHIỆP
của LÊ VĂN SIÊU 2$50

HÀN THUYÊN : *71 Tien Tsin Hanoi*

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi